

Tác Giả và Tác Phẩm

Tô Thùy Yên (III)

Phá Tam Giang bây giờ đã cạn
(tựa từ Lưu Na – TV & BH Houston)



Tô Thùy Yên (Thận Nhiên)

Mục Lục

Tô Thùy Yên, tác giả “Chiều trên Phá Tam Giang” qua đời – báo Người Việt – 2

Chiều trên Phá Tam Giang – 4

Người đi, ừ nhỉ, người đi thực - Từ Thức – 7

Như một lời tiễn biệt Tô Thùy Yên – Trần Đình - 8

Kính biệt nhà thơ Tô Thùy Yên – “cảm ơn hoa đã vì ta nở” – TV & BH – 9

Hề, ta trở lại gian nhà cỏ - 14

Tô Thùy Yên: Thức cho xong bài thơ – Ý Nhi - 16

Tưởng nhớ Tô Thùy Yên vĩnh viễn ra đi – Gs Phạm Cao Dương – 22

Nhà thơ Tô Thùy Yên qua đời ở Texas, Hoa Kỳ - đài VOA - 28

Ta về - 29

Phụ đính

Góp nhặt quanh Phá Tam Giang bây giờ đã cạn

(tr 33)

(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

CÁO PHÓ

Chúng tôi ngậm ngùi báo tin cùng thân bằng quyến thuộc
Chồng, Cha, Anh, Ông của chúng tôi là:

Đình Thành Tiên

Bút Danh

Tô Thùy Yên

đã từ giã trần gian lúc 9 giờ 15 phút, tối thứ Ba, ngày 21 tháng 5, 2019,
nhằm ngày 17 tháng 4 năm Kỷ Hợi, tại Houston, Texas,

Hưởng thọ 82 tuổi

Linh cữu được quàn tại Vĩnh Cửu Funeral Home
2454 S. Dairy Ashford, Houston, Texas.

LỊCH TRÌNH TANG LỄ:

- Lễ Nhập Quan và Phát Tang: 2:00 PM, Thứ Năm, 30 tháng 5, 2019
- Thăm Viếng: 10:00 AM đến 8:00 PM, Thứ Sáu, 31 tháng 5, 2019
- Lễ Tưởng Niệm: 5:00 PM đến 8:00 PM, Thứ Sáu, 31 tháng 5, 2019
- Lễ Hỏa Táng: 10:00 AM, Thứ Bảy, 1 tháng 6, 2019

Tang Gia Đồng Khấp Báo:

Vợ: Huỳnh Diệu Bích, Houston, Texas
Trưởng Nữ: Đường Quỳnh Giao, Chồng: Phan Hoàng Khánh, Con: Justin Phan, Houston, Texas
Trưởng Nam: Đình Kinh Tuệ, Vợ: Trần Thị Thanh Tâm, Con: Đình Sao Mai Mía, Dallas, Texas
Thứ Nam: Đình Kinh Hiệt, Houston, Texas
Thứ Nam: Nguyễn Khôi Hạo, và gia đình, Việt Nam
Thứ Nữ: Nguyễn Khôi Thụy, Việt Nam
Thứ Nữ: Nguyễn Khôi Hạnh, và gia đình, Việt Nam
Bào Đệ: Đình Thành Lệ, Đình Trường Xuân, Đình Xuân Thu và gia đình
Thứ Muội: Đình Kim Hoàng, Đình Ngọc Thanh, Đình Thanh Nhàn, Đình Hoàng Hoa và gia đình.

Cáo Phó Này Thay Thế Thiệp Tang. Xin Miễn Phúng Điếu và Vòng Hoa

Mọi đóng góp, nếu có, xin gửi cho các tổ chức Từ Thiện.

Tô Thùy Yên, tác giả bài thơ “Chiều trên Phá Tam Giang” qua đời
Đỗ Dzũng/báo Người Việt



Nhà thơ Tô Thùy Yên.
(Hình: Triết Trần/Người Việt)

Houston, Texas (NV)

Nhà thơ Tô Thùy Yên, tác giả bài thơ “Chiều trên Phá Tam Giang,” mà một phần của nó được cố nhạc sĩ Trần Thiện Thanh phổ nhạc, vừa qua đời lúc 9 giờ 15 phút tối Thứ Ba,

21 Tháng Năm, tại Houston, Texas, hưởng thọ 81 tuổi, bà Huỳnh Diệu Bích, hiền thê của ông, nói với nhật báo Người Việt qua điện thoại.

“Nhà tôi bị một cơn đột quy và được đưa vào một trung tâm trị liệu từ Thanksgiving năm ngoái. Tối hôm qua ông ra đi nhẹ nhàng, như trong giấc ngủ,” bà Diệu Bích kể.

Bà cho biết thêm, hiện chưa có ngày giờ chính thức, nhưng có lẽ tuần tới sẽ an táng nhà thơ.

Bà cho biết nhà thơ Tô Thùy Yên tên thật là Đinh Thành Tiên, sinh ngày 20 Tháng Mười, 1938 tại Gò Vấp, Gia Định. Sau khi học ở Gia Định, ông học trung học Petrus Ký ở Sài Gòn.

“Chồng tôi sau đó vào học Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, học văn chương Pháp, *sau khi chúng tôi vừa cưới nhau,*” bà cho biết thêm. “Năm 1964 anh nhập ngũ, đến năm 1975 là cấp bậc thiếu tá chiến tranh chính trị. Sau đó, anh bị tù cộng sản *hai lần, một lần 10 năm và một lần 3 năm.*”

Theo bài viết “Tuyển tập Tô Thùy Yên” của tác giả Trần Doãn Nho đăng trên nhật báo Người Việt hôm 10 Tháng Hai, nhà thơ Tô Thùy Yên bắt đầu viết từ cuối thập niên 1950, và là một trong những nhà thơ lớn của văn học miền Nam Việt Nam.

Bài thơ (được xem) như đầu tay của ông, “Cánh đồng, con ngựa, chuyến tàu,” được sáng tác lúc ông còn là một thiếu niên.

“Thơ Tô Thùy Yên có rất nhiều khái niệm hoặc hình tượng triết lý – lời thơ đôi khi bí hiểm, khó hiểu – thì đồng thời lại không thiếu những hình ảnh hiện thực, có thể nói còn hiện thực hơn cả những nhà thơ hiện thực nhất,” theo tác giả Trần Doãn Nho nhận xét.



Nhà thơ Tô Thùy Yên

Vẫn theo tác giả Trần Doãn Nho, từ khi qua định cư tại Hoa Kỳ, nhà thơ Tô Thùy Yên tiếp tục làm thơ và đi nhiều nơi tham gia các buổi sinh hoạt văn học cũng như giới thiệu tập thơ đầu tiên của ông. Tuy nhiên, trong những năm sau này, sức khỏe nhà thơ không được tốt, nên ông hiếm khi đi đâu và ít thấy xuất hiện trước công chúng.

Vào năm 2017, nhân dịp 30 Tháng Tư lần thứ 42, đáp lời mời của trường đại học Yale University, muốn có tiếng nói của một nhà thơ miền Nam Việt Nam, dù đi đứng khá khó khăn, ông đã cố gắng đến tham dự và đọc thơ cùng với một số nhà thơ khác như Đinh Linh, Phan Nhiên Hạo, và Chân Phương vào ngày 26 Tháng Tư, 2017.

Trong dịp này, ông cũng tham dự một buổi sinh hoạt đọc thơ Tô Thùy Yên khác tại trung tâm Việt-Aids do nhóm văn nghệ sĩ Boston tổ chức vào chiều tối ngày 28 Tháng Tư, 2017.

Ngoài bài “Chiều trên Phá Tam Giang,” nhà thơ Tô Thùy Yên có sáng tác bài “Ta Về,” sau này được nhạc sĩ Đinh Đại phổ thành nhạc.

Chiều trên Phá Tam Giang

1.

Chiếc trực thăng bay là mặt nước
Như cơn mộng nhanh.
Phá Tam Giang, phá Tam Giang,
Bờ bãi hỗn mang, dòng bát giát,
Cát hôn mê, nước miệt mài trôi.
Ngó xuống cảm thương người lỡ bước,
Trời nước mông mênh, thân nhỏ nhoi.
Phá Tam Giang, phá Tam Giang.
Nhớ câu ca dao sâu vạt cổ.
Chiều dòn tan, nắng động nứt ran ran.
Trời thơm nước, thơm cây, thơm xác rạ,
Thơm cả thiết tha đời.
Rào rào trận gió nhám mặt mũi.
Rào rào trận buồn ngây chân tay.
Ta ngó thấy ghe thuyền quần tụ
Từng đoàn như trẻ ghê ma.
Ta ngó thấy thùy dương gãy rũ
Từng cây như nổi bất an già.
Ta ngó thấy rào chà cản nước
Từng hàng như nỗ lực lao đao.
Ta ngó thấy nhà cửa tróc nóc
Từng ngôi như miệng đất đang gào.
Vì sao người tới đây?
Hỡi gã cộng quân sốt rét, đói,
Xích lờn nguyên sinh Bắc, tử Nam.
Vì sao ta tới đây?
Lòng xót xa, thân xác mỗi mòn,
Dưới mắt người làm tên lính ngục.
Ví dầu người bắn rụng ta
Như tiếng hét
Xé hư không bật im,
Chuyện cũng thành vô ích.
Ví dầu người gục
Vì bom đạn bất dung,
Thi thể chẳng ai thâu,
Nào có chi đáng kể.
Nghĩ cho cùng, nghĩ cho cùng,
Ví dầu các việc người làm, các việc ta làm
Có cùng gom góp lại,
Mặt đất này đổi khác được bao nhiêu ?
Người há chẳng thấy sao
Phá Tam Giang, phá Tam giang ngày rày đâu đã cạn?
Ta phá lên cười, ta phá lên cười
Khi tưởng tượng người cùng ta gặp gỡ
Ở cõi âm nào người vốn không tin,
Hỏi nhau chơi thỏa chút tính bông đùa:
Người cùng ta ai thật sự hy sinh

Cho tổ quốc Việt Nam - một tổ quốc...?
Các việc người làm,
Người tưởng chừng ghê gớm lắm.
Các việc ta làm,
Ta xét thấy chẳng ra chi.
Nên người hăng điên, còn ta âm đạm
Khi cùng làm những việc như nhau.
Ta tự hỏi vì sao,
(Còn người, có bao giờ người tự hỏi?)
Và ta tự trả lời.
(Có bao giờ người tự trả lời?)
Chúng ta khác nào cánh quạt phi cơ
Phải quạt, phải quạt
Chỉ vì nó phải quạt.
Ta thương ta yếu hèn.
Ta thương người khờ khạo.
Nên cả hai cùng cam phận quay cuồng,
Nên cả hai cùng mắc đường Lịch Sử,
Cùng mê sa một con đĩ thập thành.
Chiều trên phá Tam Giang rộn ràng tiếng chiến trận.
Chiều trên phá Tam Giang im lìm âm cảm thông.

2.

Chiều trên phá Tam Giang
Anh sực nhớ em
Nhớ bất tận.

Giờ này thương xá sắp đóng cửa.
Người lao công quét dọn hành lang.
Những tủ kính tối om.
Giờ này thành phố chợt bùng lên
Để rồi tắt nghỉ sớm.
(Sài Gòn nơi rộng giờ giới nghiêm.
Sài Gòn không còn buổi tối nữa.)
Giờ này có thể trời đang nắng.
Em rời thư viện đi rong chơi
Dưới đôi vòm cây ủ yên tĩnh
Viễn dòng trời ngọc thạch len trôi.

Nghĩ tới ngày thi tương lai thúc hối,
Căn phòng cao ốc vàng võ ánh đèn,
Quyển sách mở sâu đêm.
Nghĩ tới người mẹ đăm chiêu, đưa em quái quỉ.
Nghĩ tới đủ thứ chuyện tâm thường
Mà cô gái nào cũng nghĩ tới.
Rồi nghĩ tới anh, nghĩ tới anh
Một cách tự nhiên và khốn khổ.
Giờ này có thể trời đang mưa.
Em đi nép hàng hiên suorót suorót,
Nhìn bong bóng nước chạy trên hè
Như những đóa hoa nở gấp rút.

Rồi có thể em vào một quán nước quen
Nơi chúng ta thường hẹn gặp,
Buông tâm trí bập bênh trên những đợt lao xao
Giữa những đám ghé bàn quạnh quẽ.

Nghĩ tới anh, nghĩ tới anh,
Cơn nghĩ tới không sao cầm giữ nổi
Như dòng lệ nào bất giác rơi tuôn.
Nghĩ tới, nghĩ tới một điều hệ trọng vô cùng
Của chiến tranh mà em không biết rõ.
Nghĩ tới, nghĩ tới một điều hệ trọng vô cùng
Một điều em sợ phải nghĩ tới.
Giờ này thành phố chợt bùng lên.

Chiều trên phá Tam Giang
Anh sực nhớ em
Nhớ bất tận.

Anh yêu em, yêu nuôi tuổi hai mươi
Rực chiếu bao nhiêu giấc mộng đua đòi
Như những mặt trời con thật dễ thương
Sẽ rơi rụng dọc đường lên dốc tuổi,
Mỗi sáng trưa chiều tối đêm khuya.
Anh yêu em, yêu nuôi tuổi hai mươi,
Coi chuyện đó như lần đi tuyết tích
Trong nước trời lãng đãng nghìn trùng,
Không nghe thấy cả tiếng mình độc thoại.
Anh yêu, yêu nuôi tuổi hai mươi,
Thấy trong lòng đời nở thật lẻ loi
Một cành mai nhị độ.
Thấy tình yêu như vận hội tàn đời
Để xé mình khỏi ác mộng
Mà người đàn ông mê tưởng suốt thanh xuân.

Ôi tình yêu, bằng chứng huy hoàng của thất bại!

3.
Chiều trên phá Tam Giang,
Mây nhìn con nước xiết
Chảy băng bờ bãi ngổn ngang câm.
Nghĩ tới, nghĩ tới những công trình mây có thể hoàn thành
Mà rồi mây bỏ dở.
Nghĩ tới kiếp người đang lỡ độ đường
Trên mịt mù nghi hoặc.
Nghĩ tới thanh xuân mất tích tự đời nào
Còn lưu hậu chua cay hoài vọng.
Nghĩ tới khu vườn ẩn cư cỏ cây khuất lấp,
Căn nhà ma ám chầy ngày gió thổi miên man
Đụt tuổi già bình an vô tích sự
Như lau lách bồm sòm trên mặt sông nhãn
Cùng cái chết.

Cái chết lâu như nổi héo hon dần
Làm chính mình bực bội.
Gió muôn ngàn năm thổi lẽ tuần hoàn
Cho cỏ cây thay đời đổi kiếp.
Và mây kinh sợ nghe nhắc điều vượt sức bình sinh
Bởi mây không đủ dạn dày trình diễn tới lui cơn thất chí
Như gã hề cuồng mưa sinh giữa chốn đồng người
Vớ từng ấy tấn tuồng bần tiện
Rút ra từ lịch sử u mê.
Giới thổi thêm đi, gió thổi thêm đi
Cho cỏ cây mau chết, mau hồi sinh.
Mây mặc kệ.
Chiều trên phá Tam Giang
Cỏ gã hề cuồng buông tiếng cười lạnh rợn
Khiến bầy ác thú mà lịch sử sanh cầm cũng chột hải hùng
Dớn dác ngó.

6-1972

Người đi, ừ nhỉ, người đi thực Từ Thực

Tô Thùy Yên vừa ra đi vĩnh viễn tại Houston, Hoa Kỳ.
Người Việt làm thơ nhiều, nhưng thi sĩ, rất hiếm. Thi sĩ một mình một chiếu như TTY, còn hiếm hơn nữa. Để tưởng niệm nhà thơ vừa nằm xuống, không gì hơn là đọc lại " Ta Về ", " Chiều trên phá Tam Giang " Tất cả ngôn ngữ, phong thái TTY phảng phất trong đó. Thơ TTY *bài nào cũng dài*, như nỗi buồn không cùng của tác giả, nhưng đọc, sẽ tiếc là quá ngắn. Thơ TTY chứng chạc, *cổ điển như thơ Đường, nhưng mới lạ, táo bạo hơn* thơ mới. Đạo mạo như một người đứng tuổi, từng trải, nhưng trẻ, mạnh, vũ bão như thanh niên.

Không Bắc, không Nam, không Sài Gòn, Hà Nội, bởi vì đó là tiếng thở dài, tiếng khóc, cái quặn đau của người Việt (hơi ơi, trời đã bỏ rơi dân !). Đặc Việt Nam, nhưng mở rộng ra những chân trời mới. Đau xót, bi quan nhưng bao dung ; đứng ngoài, đứng trên cái thù hận, để thấy cái bát ngát của đất trời, rất zen, rất thiền (Cám ơn hoa dã vì ta nở/ Thế giới vui vì những nỗi lẻ loi)

Từ ngữ TTY dài các nhưng gần gũi, sáng tạo cực kỳ *nhưng tưởng như dễ dãi. Vừa lạ, vừa thực*. Điều đó không dễ. Có người dùng chữ lạ, nhưng giả tạo, không thực, chỉ lộ cái lập dị. Có người viết thực, nhưng nhàm. Bởi vì sự thực trong thơ, trong nghệ thuật, nó khác với sự thực ngoài đời. Nó cô đọng hơn sự thực ngoài đời. Nó thực hơn sự thực. Trái táo, trái cam trong họa phẩm của Van Gogh, Cézanne nó thực hơn, sống hơn trái cam ngoài chợ, bởi vì nó mang tâm tình của nghệ sĩ. Nhiều thi sĩ nổi tiếng vì một, hai câu thơ. Những câu như vậy rải rác trong mỗi bài thơ TTY.

TTY ra đi, bỏ dở thiên trường ca về nỗi đoạn trường của một thi sĩ, và qua đó, của một dân tộc. " Ta tiếc đời ta sao hữu hạn/ Đành không trải hết được lời ta ", nhưng một đời người làm sao trải hết được lời của một dân tộc điêu linh, như dân tộc Việt (Trời ơi những xác thây la liệt/ Con ai, chồng ai, anh em ai ?). Nói đến dân tộc, bởi vì cái quặn

đau thấy chung quanh tan vỡ, cái kinh hoàng, tuyệt vọng của TTY trước một cuộc đời đòi hỏi khổ trong thơ TTY, người Việt thấy mình trong đó (Ba vách, ngọn đèn xanh, bóng lẽ/ Ngày qua ngày cho hết đời ta).

Sáng dậy nghe tin TTY ” đi xa ”, cứ muốn tin là chuyện không thật. Nhưng hôm nay không phải là ngày cá tháng Tư. Đành ngậm ngùi như Thâm Tâm :
” Người đi, ừ nhỉ, người đi thực ”

Đi xa như lạc trong trời đất
Thủy tận sơn cùng xí xóa ta
Cõi chiều đứng lại, khóc như liều
Có thật là ta đã đi xa ?
(Đi xa. TTY)

Xí xóa được người, nhưng thủy tận, sơn cùng sẽ bó tay, làm sao xóa được Ta Về, Phá Tam Giang ...?

Như một lời tiễn biệt Tô Thùy Yên **Trần Đình** (tác giả Đền Cù hiện ở Sài Gòn)

Tô Thùy Yên đã cho *thuyền thơ cặp được bến triết*. Đã cho thặng hoa cái phận bọt bèo của đất nước Việt, con người Việt. Đã nói lên lần đại bại kinh hoàng của cuộc sống hiền lành, lương tri của con người. Tô Thùy Yên lần mò trong các tha ma hồn Việt bị số phận dân tộc đọa đày. Qua Tô Thùy Yên, thấy một đất nước đang tự hỏi – *to be or not to be*. “*Câu hỏi vạn niên, lời đáp nhất thời/Chữ nghĩa rồi bời gai góc loạn/Con đường suy tưởng thật lang thang/Ngày một xa thêm Chân Lý lớn*” (*Chim bay biển Bắc*). Không là triết thì là gì? Vật vã vì cái không cơm áo gạo tiền như thế! Vào được lối vấn đề như thế. Và dù Tô Thùy Yên hình như không nhận điều này.

1976 hay 1982, vào Sài Gòn, trong khi lòng dạ ngổn ngang những lo lắng cho gia đình, đất nước, tôi giật mình và thật sự rất sung sướng bắt gặp được ở các câu thơ “*Ta ngồi bên đồng lúa man rợ*”, “*Ngày. Ngày trắng chói chang như giữa./Ánh sáng vang lừng điệu múa điên.*” (*Trường Sa hành*) ngọn hải đăng miền Nam cô đơn giữa trùng dương nhưng không chịu tắt.

Tôi còn coi đoạn thơ Tô Thùy Yên này là một đèn bù, một an ủi, một tiếng đồng cam cộng khổ anh em ruột thịt. Nên cảm xúc này đã được tôi nhắc đến nói trong *Đền Cù*. Tô Thùy Yên nói lên hộ chúng ta cơn đại bại kéo quá dài của cuộc sống hiền lành, đầy lương tri của con người. Đọc Tô Thùy Yên tôi nghĩ đến câu: “Mày hãy sống hết cái gì là mày” của Kierkegaard, tổ sư chủ nghĩa hiện sinh. Có thể nói Tô Thùy Yên là nhà địa chất đầu tiên nhất lên được những quặng chữ chưa ai từng phát hiện để đặt chúng ở bên nhau mà phát xạ.

Năm 2018, ông J., một giáo sư sử học Mỹ, thích tôi (ông đọc bằng tiếng Việt) đã gặp tôi. Trong chuyện trò, ông hỏi các nhà văn Việt Nam (cộng sản) thế nào. Tôi nói: Đều có tài, có chữ nghĩa nhưng phải tội quá chủ quan, cứ tâm niệm mình phải đem tài năng, chữ nghĩa đi giải phóng người khác trong khi lẽ ra trước hết anh ta phải khám phá và giải phóng chính anh ta khỏi các cùm kẹp.

Bữa đó tôi đã toan đưa thí dụ Tô Thùy Yên nhưng sợ khó truyền đạt thơ Tô Thùy Yên nên dừng lại. Và sao lại Thùy Yên? Khói biên thù? Khói cú đầu? Và Tô? Khói biên thù chết đi rồi sống lại?

Kính biệt nhà thơ Tô Thùy Yên – “cảm ơn hoa đã vì ta nở”

Trinh Nguyên - TV & BH

(Houston)



Nhà thơ Tô Thùy Yên
(Thận Nhiên)
(Nguồn: SBS Radio)

Vậy là nhà thơ Tô Thùy Yên, một trong những nhà thơ lớn của miền Nam trước 1975, đã “thức cho xong bài thơ” để “mai sớm ra đi” – cuộc đi cũng chính là “về như chiếc lá rơi về cội” nhưng ở “giữa cánh đồng không, bên kia sông” kịp “cài hờ lên cửa tảng” nhân gian những bài thơ thuộc hàng những bài hay trong thi ca Việt Nam.

Nhà thơ Tô Thùy Yên, tác giả của “Ta về”, của “Chiều trên phá Tam Giang”, của “Trường Sa hành”, của “**HÈ, ta trở lại gian nhà cỏ**” (xem tr 14) và một loạt những bài thơ khác sống mãi trong lòng người đọc yêu văn chương miền Nam, vừa qua đời tối thứ Ba 21 tháng Năm 2019 ở Houston, Texas hưởng thọ 81 tuổi.

“Thức cho xong bài thơ”

Tên khai sinh là Đinh Thành Tiên, nhà thơ Tô Thùy Yên sinh ngày 20 tháng Mười năm 1938 tại Gò Vấp, Gia Định, là cựu học sinh trường Petrus Ký và trường tư thục Les Lauriers, ông từng theo học Văn chương Pháp ở Đại học Văn khoa Sài Gòn, nhưng quyết định bỏ dở.

“Cánh đồng, con ngựa, chuyến tàu” (được xem) là bài thơ đầu tay của Tô Thùy Yên, sáng tác năm ông còn là một thiếu niên. Ông có thơ đăng trên báo *Đời Mới* từ những năm 16, 17 tuổi.

Năm 1956, Tô Thùy Yên là người miền Nam duy nhất tham gia vào nhóm *Sáng Tạo*, một nhóm văn nghệ sĩ sáng tác có cùng “ý thức văn nghệ mới”, bên cạnh các cây bút từ miền Bắc di cư vào Nam như Mai Thảo, Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Sỹ Tế, Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyền...

Thơ Tô Thùy Yên xuất hiện nhiều trên tạp chí *Sáng Tạo*, cùng với Thanh Tâm Tuyền và Quách Thoại, ông được biết đến với phong trào khai sinh “Thơ tự do” và ở miền Nam

vào thập niên 1960. Ngoài ra ông còn cộng tác đều đặn với nhiều tạp chí văn học khác ở miền Nam, và chủ trương nhà xuất bản văn học Kê Sĩ.

Cuối năm 1963 đầu năm 1964 ông nhập ngũ, phục vụ ngành chiến tranh chính trị, chức vụ sau cùng của ông là Thiếu Tá, Trưởng Phòng Văn nghệ của Cục Tâm lý chiến. Sau năm 1975, ông vào nhà tù cộng sản hai lần, một lần 10 năm và một lần 3 năm. Sau khi ra tù, nhà thơ Tô Thùy Yên và gia đình sang Mỹ định cư năm 1993, ban đầu đến Saint Paul, Minnesota. Đến năm 2000 thì gia đình chuyển về Houston, Texas cho đến khi ông qua đời.

Không in thơ nhiều, đến cuối đời, nhà thơ Tô Thùy Yên chỉ có *Thơ tuyển* (tự xuất bản, Minnesota, Hoa Kỳ, 1995) và *Thấp Tọa* (An Tiêm, Houston, Hoa Kỳ, 2004) trong tủ sách người yêu thi ca.

“Mai sớm ra đi”

“Ông ra đi nhẹ nhàng, như trong giấc ngủ,” đó là những gì người vợ chính thức của nhà thơ Tô Thùy Yên, bà Huỳnh Diệu Bích, kể lại với báo Người Việt. Nhà thơ Du Tử Lê trong một bài viết trên blog cá nhân của mình, như một bạn thơ đã trân trọng gọi nhà thơ Tô Thùy Yên là “một tiếng thơ lớn của miền Nam” và khi nhớ về ông như một người đồng nghiệp ở Cục Tâm lý chiến Saigon, như là một người rất là nguyên tắc, rất kỷ luật trong công việc.

Nhà báo Đinh Quang Anh Thái tri nhận nhà thơ Tô Thùy Yên đã “để lại một dấu ấn lớn trong sinh hoạt văn học của miền Nam” khi trả lời phỏng vấn mới đây của VOA-Việt ngữ và nhắc đến một kỷ niệm với nhà thơ Tô Thùy Yên liên quan đến bài thơ nức tiếng “Ta về” mà ông viết khi trở về sau 10 năm trong nhà tù cộng sản.

Ông Thái kể khi anh em từ Việt Nam phát động phong trào xây dựng nhà cho gia đình các chiến sĩ đã hy sinh trong trận chiến Hoàng Sa năm 1974, nhà thơ Nguyễn Duy ở trong nước thiết tha muốn mời được Tô Thùy Yên từ hải ngoại trở về, cùng làm một đêm thơ ở Saigon. Tô Thùy Yên không về được vì sức khỏe không cho phép, nhưng đã chép nguyên văn bài thơ “Ta về” để tặng cho chương trình Nhịp cầu Hoàng Sa, và bài thơ đó đã được anh em bán đấu giá để góp tiền xây nhà cho gia đình các chiến sĩ VNCH đã tử trận trong trận chiến Hoàng Sa 1974.

“Bây giờ ngồi nhớ lại Tô Thùy Yên thì nhớ lại nụ cười rất hiền của một người miền Nam, nhớ lại điệu thuốc, và nhớ lại hai câu thơ: “Chút rượu nồng xin rưới xuống, Giải oan cho cuộc biển dâu này,” ông Thái kể lại.

Trước sự ra đi này của nhà thơ Tô Thùy Yên, nhiều văn nghệ sĩ thế hệ sau tiếc thương ông và nhớ về ông và nhớ đến bài thơ “Ta về” – sau 10 năm tù cải tạo mà tuyệt nhiên không oán hận, không nguyên rủa, chỉ có tình người.

Viết trên facebook cá nhân của mình, nhạc sĩ Tuấn Khanh tha thiết gọi Tô Thùy Yên là “nhà thơ lớn, có trái tim độ lượng với cả những kẻ chỉ biết căm thù” và gọi ông là “một ngôi sao sáng của văn hóa tự do Việt Nam”.

Trả lời phỏng vấn của SBS Vietnamese, từ Saigon, nhà thơ Trần Tiến Dũng tưởng nhớ nhà thơ Tô Thùy Yên và nhắc mãi về “chất hành giả” trong thơ ông, “vừa *cốt cách cổ xưa vừa mang hình ảnh rất hiện đại trong ngôn ngữ hình ảnh* của Tô Thùy Yên” và cho rằng không gian thơ của Tô Thùy Yên khó tìm thấy ở một ai khác vì đó là “một giọng thơ nửa hào hùng nửa bi tráng nửa phẫn uất nửa yêu thương... rất nhiều cảm xúc trộn lẫn”.

“Cài hờ lên cửa tặng”

Vậy là Tô Thùy Yên, người tặng thơ, đã ra đi.

Chỉ có người như Tô Thùy Yên, nhà thơ của những câu chữ đã đi đến cái tận cùng của nỗi sống và cái chết, cái tận cùng của da diết lẫn dửng dưng, mới viết nên những dòng thơ tự thân nó phát sinh ra một nguồn năng lượng khác, đẹp lạnh như thứ ánh sáng đầu ngày nhưng cùng lúc lại day dứt lạ lùng như những tia nắng cuối trong chiều.

Võ Phiến (1925-2015), trong bộ sách “Văn học miền Nam” nổi tiếng, đã dành nhiều mỹ từ khi nói về “triết lý” trong thơ Tô Thùy Yên, “nếu miễn cưỡng phải là triết gia, ông là thứ triết gia ràn rụa nước mắt, triết gia héo hắt tâm can... Cái triết này không thấp ngà thấp ngiếc gì.”

Có thể nói thơ Tô Thùy Yên đầy vũ trụ quan, nhưng hoàn toàn không đáng toàn năng nào có chỗ trong thơ ông. Những câu chữ trong kinh Phật thảng hoặc xuất hiện nhưng lại mang màu sắc triết lý của Tô Thùy Yên rất riêng.

Thơ Tô Thùy Yên là nơi ông gửi gắm những trần trở của thi sĩ trước cái bí ẩn muôn đời của vũ trụ, nơi cất giữ những bản khoán siêu hình. Triết nhưng không làm dáng, triết nhưng nghiêng về “cảm” nhiều hơn khi đứng trước cái vô định vĩ đại của không gian, thời gian và sự hữu hạn bé nhỏ của kiếp người.

*“Sóng thiên cổ khóc, biển tang chế
Hữu hạn nào không tử nhỏ nhoi?
Tiếc ta chẳng được bao nhiêu lệ
Nên tưởng tròng dương khóc trắng trời”*
(Trường Sa hành)

Luôn có một “cuộc đi” trong thơ Tô Thùy Yên, một thúc giục lên đường trong cuộc đi đã bắt đầu từ vô lượng kiếp và có lẽ không bao giờ có sự kết thúc.

*“Đến ngã ba, đành theo một lối
Tiếc ngần không cùng theo lối kia.”*
(Đãng tử)

Đọc thơ Tô Thùy Yên tức là cùng ông vào sinh ra tử, đàm đạo với cả hai phía âm dương và cái tận cùng. Cả những lúc không dẫn thân vào cuộc đi, ngồi yên hít thở thì cái triết không làm dáng trong thơ ông cũng mời mọc người đọc cùng ông nghe cái cựa quậy của đất trời, để cùng luận bàn về sự mong manh trong kiếp nhân sinh.

*“Gặp buổi trời mưa bay phớt phớt
Lá cành sáng rỡ sắc hồi xuân
Ta nhìn ngọn cỏ, lòng mê mẩn
Nghĩ tới đời ràn rụa thâm ân*

...

*Sống trên đời, chuyện ghê gớm quá
Vậy mà ta sống có kỳ không?
Nước mắt ta tuôn khi nghĩ tới
Những người đã chết, chết như rom.”*
Hề, ta trở lại gian nhà cỏ

(xem tr 14)



Bút tích của nhà thơ Tô Thùy Yên trong chuyến về thăm Saigon 15-4-2014

Trong một bài viết về thơ Tô Thùy Yên, nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc có ý rằng Tô Thùy Yên là một “nhà thơ trí thức”. Trí thức ở đây là chuyện ông coi việc làm thơ là công việc nghiêm túc cần làm, chứ “không cậy vào cảm hứng, vào năng khiếu” và từ đó lịch sử thi ca Việt Nam có “hiện tượng Tô Thùy Yên” hiếm hoi, vì thơ ông “càng về sau càng trẻ trung và càng tươi tắn”.

Tô Thùy Yên đã sống một cuộc đời chỉ để làm thơ “cài hờ lên cửa tặng” nhân gian, như Nguyễn Hưng Quốc gọi đó là sự “đầy tự giác” của “một người đầy ưu tư, đầy khắc khoải”, còn Võ Phiến thì mô tả đó là “một cuộc sống đầy thao thức sáng tạo”, và cho rằng “tâm hồn ông tưởng chừng có kích thước vũ trụ”, nhưng cũng đừng quên một căn tính khác trong thơ Tô Thùy Yên, thơ của một người lính trong thời chiến.

*“Quê xa không tiện đường đưa tiễn
Nghĩa tận sơ sài, đấm lạnh tanh
Thêm một chút gì như hối hả
Người thân chưa khóc ráo thâm tình.*

...

*Nao nao mừng tượng bóng mình
Mặt mừng cõi tới, u minh tiếng rền
Xuống đò, đời đã bỏ quên...
Một sông nước lớn trào lên mắt người”
(Qua sông)*

Giữa không gian chiến tranh chết chóc trong cuộc chiến tàn khốc nhất, không có cay nghiệt thắng thua, chỉ có tình người, chỉ có tấm lòng rất ráo cảm thương thân phận bé nhỏ của người lính, một sinh linh mà nhà thơ muốn khóc cùng.

Mở lòng ra với vạn vật và vô tận như vậy, nhưng ngôn ngữ trong thơ Tô Thùy Yên được chất lọc rất cẩn thận. Thơ ông có những chữ không thể thay thế bằng những chữ tương tự nào khác được, vậy mà lại không có vẻ sắc nét điêu luyện hay trang trọng đến mức xa cách của miền Bắc.

Tứ thơ, cảnh thơ, tiếng thơ và tim thơ Tô Thùy Yên mang cốt cách rất miền Nam, đầy chất liệu bình dân từ ca dao, câu hò, điệu ru của đồng bằng Nam Bộ. Nam Bộ nhưng không xuề xòa, dễ dãi, càng không cầu thả. Tô Thùy Yên như một phù thủy, nhà thơ hóa phép cho những hình ảnh từ chất liệu văn học dân gian một trường ý nghĩa mới.

*“Ta về một bóng trên đường lớn
Thơ chẳng ai để vạt áo phai*

Sao bỗng nghe đau mềm phế phủ
Mười năm đá cũng ngậm ngùi thay

...

Ta khóc tạ ơn đời máu chảy
Ruột mềm như đá dưới chân ta
Mười năm chớp bể mưa nguồn đó,
Người thức nghe buồn tận cõi xa

...

Chiều nay ta sẽ đi thơ thần
Thăm hỏi từng cây, những nỗi nhà
Hoa bưởi, hoa tầm xuân có nở?
Mười năm, cây có nhớ người xa?"
(Ta về)

Làm sao không nhận ra những “Mình về ta chẳng cho về / Ta nắm vạt áo, ta đề câu thơ” rồi “Trèo lên cây bưởi hái hoa / Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân” đến “máu chảy ruột mềm” và “chớp bể mưa nguồn”. Nhưng tất cả những vạt áo, hoa bưởi, tầm xuân, máu chảy ruột mềm, chớp bể mưa nguồn đó... từ ngòi bút Tô Thùy Yên, có một đời sống mới, một phong cách mới mang dấu ấn Tô Thùy Yên.

Dù là thể loại nào, hễ Tô Thùy Yên chạm tới, từ thơ tự do, thơ văn xuôi, đến thơ bảy chữ trường thiên, dù ông “đổi khác ngày ngày như hình thể chất lỏng lưu thông / Cho quá khứ, hiện tại, tương lai rời rạc nhau, không cùng sắc thái” thế nào thì sự tài hoa của ông đều chảy ra triền miên thắm đẫm từng hình ảnh, từng con chữ. Tô Thùy Yên những năm tuổi trẻ đã có nhiều lần “hẹn chết” và tự viết về ngày mai của mình.

“Tôi xô tôi rụng xuống hư vô giá lạnh, rạch ngon một lần sơn bi thăm lên nền trời khuya trong khoảnh khắc của họ sao băng.

Và của vĩnh cửu.

Có tan nát, hãy tan nát thật huy hoàng, một đời như một chiếc pháo bông.

(Tự do)

Nhưng làm sao những ám ảnh khắc khoải đó chỉ như pháo bông trong khoảnh khắc được. Thơ ông sẽ còn gây ảnh hưởng lâu dài, một thứ ảnh hưởng chứa chan một nguồn năng lượng kỳ lạ có thể làm cho người đọc cùng lúc bình yên hơn, hoài nghi hơn, và dẫn vạt hơn.

Sự ra đi của Tô Thùy Yên là thứ mất mát không gì bù đắp được, sự mất mát không có thể hệ truyền thừa trong lịch sử thi ca và văn học Việt Nam, không chỉ của miền Nam trước 1975, dù không biết bao nhiêu người nói tiếng Việt đang 16, 26, 36, 46 tuổi hôm nay biết Tô Thùy Yên là ai, nói gì chuyện họ biết đến cái đẹp lạ lùng trong thơ ông. Với những người yêu thi ca, trên cửa nhà sẽ còn mãi nhiều dòng thơ của một Tô Thùy Yên da diết và dũng dũng “cài hờ” lên tặng:

“Ta về cúi mái đầu sương điểm
Nghe nặng từ tâm lượng đất trời
Cám ơn hoa đã vì ta nở
Thế giới vui từ nỗi lẻ loi.”
(Ta về)

Vinh danh ông, Tô Thùy Yên, “bếp lửa nhân quần ấm tối nay”. Mong ông đang vui với hoa, như bài thơ ông viết trong ngày đã vừa cũ.

Hè, ta trở lại gian nhà cỏ

Hè, ta trở lại gian nhà cỏ
Giữa cánh đồng không, bên kia sông.
Trống trải hồn ta, cơn gió rã,
Tiếng tàn tàn rụng suốt mênh mông.

Hừng đông hùng vĩ và thanh thản.
Sương hứa nguyên ngày nắng rực say.
Ta dậy khi gà truyền nhiễm gáy,
Chân mây rách đỏ vết thương dài.

Ta ngồi trước ngõ nghe xao động
Trời đất bào thai cựa cựa nhanh,
Mầm cỏ ngoi ngoi lên rạo rực,
Con chim chèo béo hót lạnh chanh.

Ta ngồi cho đến khi trời trắng,
Đồng ruộng xanh đông đúc tiếng người.
Ta rảo quanh làng hóng chuyện phiếm.
Đời người cũng chuyện phiếm mà thôi.

Ở đây, ta có dăm người bạn,
Phúc tự tâm, không lý đến đời.
Ở đây, ta có dăm pho sách
Và một dòng sông, mấy cụm mây...

Dòng sông u hiển trôi vô lượng,
Dòng sông hiền triết chảy vô tâm
Mà ta ngưỡng vọng như sự phụ,
Mà ta thân thiết tựa tri âm...

Lòng ta vô sự, ta vui vẻ.
Bướm với hoa cùng bay nhõn nhơ.
Mùa hạ tàn trôi trôi đóm lửa.
Dòng ngày tháng trắng chảy lơ mơ.

Quên quên, nhớ nhớ tiền sinh kiếp.
Thiên cổ mang mang, thế sự nhòa.
Trận lốc cưỡi tròn trên quá vãng.
Ta làm lại cả tâm hồn ta.

Buổi trưa như buổi trưa nào đó,
Tiếng võng đưa đưa tịch tịch mùi,
Điệu hát ầu ơ hoa cỏ lịm,
Nước mây buồn bã chợt quên trôi.

Ta thiếp trong vòm xanh đại thọ
Đời đời gương rộng lượng bao dung.
Ví dù ta ngủ không còn dậy,
Ắt hẳn lòng ta cũng đứng dung.

Chuyện trần thế bấy lâu thanh thỏa,
Sống một ngày, ta rõ một ngày.
Thôi vương mắc dài duyên với nợ,
Ân oán đời, phong kiếm rửa tay.

Còn lại chẳng cây đàn lữ tróc,
Gảy mình nghe đôi điệu xưa xưa.
Còn lại chẳng chút u hoài mốc
Pha cùng rượu uống đến say thua.

Gặp buổi trời mưa bay phớt phớt,
Lá cành sáng rỡ sắc hồi xuân.
Ta nhìn ngọn cỏ, lòng mê mẩn,
Nghĩ tới đời rạn rụa thâm ân.

Sống trên đời, chuyện ghê gớm quá.
Vậy mà ta sống có kỳ không?
Nước mắt ta tuôn khi nghĩ tới
Những người đã chết, chết như rơm...

Gặp buổi trời trong dàn bát ngát,
Ngọn cây, ô! đã giát hoàng hôn.
Cơn gió mơn man bờ bụi rậm,
Kể đạo quanh vườn chuyện trống không.

Ta ngấm gốc cây nứt nở vỏ,
Gốc cây to đến mấy người ôm,
Nghĩ tới bao điều thâm lặng lớn
Trí ta không đủ lực đo lường.

Nên ta phó mặc cho trời đất,
Trời đất vô ngôn lại bất nhân.
Nên ta lẳng lẳng đi đi khuất
Trong lãng quên xanh hút thời gian.

Đêm tối êm ru lời thủ thỉ.
Bên hè có tiếng đế ca ran.
Vàng trắng ta thấy thời thơ ấu
Mọc lại cho ta thuở xế tàn.

Hình như mọi sự đều như thế.
Kể cả lòng ta cũng thế thôi.
Các việc vô cùng làm miết miết,
Quên tiết đời ta như nắm mai.

Trăng, bạn hiền xưa giờ tái ngộ.
Ta thức đêm nay chơi với trăng,
Nghĩ tội thương sau này, mãi mãi,
Quanh mỗ ta, trăng phải lang thang.

Hề, ta trở lại gian nhà cỏ,
Sống tàn đời kẻ sĩ tàn mùa.

Trên dốc thời gian, hòn đá tuột
Lăn dài kinh động cả hư vô.

Xa nghe đợt gió lên cơn bão,
Nhân loại quay cuồng biến đổi sâu,
Bầy chó nằm châu cắn sủa rộ,
Quý ma cười khóc rợn đêm thâu.

Cuộc cờ kỳ lạ không bày tướng,
Ăn sạch quân, trừ tính được thua.
Hỡi ai tráng sĩ mài dao nhọn,
Xin nhớ đời không mỗi sắc vua.

Hề, ta trở lại gian nhà cỏ,
Tử tội mừng ơn lịch sử tha.
Ba vách, ngọn đèn xanh, bóng lẻ,
Ngày qua ngày cho hết đời ta.

7-1972

Nguồn: Tô Thùy Yên, *Thơ tuyển*, Minnesota, 1995

Tô Thùy Yên: Thức cho xong bài thơ

Ý Nhi

(tác giả ở Hà Nội – xem tr 42)

Năm 1993, tôi đã gặp Tô Thùy Yên. Tôi đã được nghe Trường Sa hành, Chiều trên phá Tam Giang, Thi sĩ... trước khi gặp Tô Thùy Yên. Vì vậy, có phần bất ngờ khi đối diện với tôi, con người từng mộng du trên trái đất tròn, từng chạy cắm đầu trên sợi kinh hoàng/giăng qua đôi bờ vực lạnh hư vô, từng bay trên phá Tam Giang với những suy nghĩ ở một tầng cao đáng kinh ngạc về cuộc chiến tàn khốc đang diễn ra, lại là một người đàn ông tâm thức, lịch duyệt, từ tốn.

Cho đáng một lần đi (2)

Bất ngờ khác, ông gần như không có sự ngại ngùng khi trò chuyện với tôi - *một nhà thơ từ Hà Nội vào*. Ông thường ghé qua nơi tôi làm việc - Chi nhánh NXB Hội Nhà Văn tại Sài Gòn, nơi ông có thể gặp những nhà văn miền Nam còn ở Sài Gòn như Huỳnh Phan Anh, Bùi Giáng, Nguyễn Đình Toàn, Thế Phong (xem tr 42)... và những nhà thơ trẻ như Nguyễn Quốc Chánh, Bùi Hoàng Vy, Thảo Phương, Phạm Thị Ngọc Liên...

Hồi đó, hẻm 361 Hai Bà Trưng (nơi có trụ sở NXB) còn vắng vẻ. Phía trước mặt trụ sở có một khoảnh đất trống. Gia đình nọ đã dựng tạm gian quán lợp giấy dầu bán cà phê nước ngọt, kiểu một cái quán cóc. Chúng tôi thường “tụ tập” ở đó. Sáng nọ, trong gian quán quạnh quẽ, Tô Thùy Yên đã đọc cho chúng tôi nghe bài thơ *Quán vắng vẻ* của ông, giọng nhẹ nhàng, cách đọc chậm rãi khiến người nghe dễ dàng nhập vào tâm trạng của tác giả:

Việc đời làm lẫn vạy/ Hối mấy chẳng hơn gì/ Thôi thì hãy cố nán/ Cho đáng một lần đi...

Nghe đâu, trong tù, ông còn hát vang lên một ca khúc của Trịnh Công Sơn, để báo với bạn tù sự có mặt của mình, để thiên hạ biết mình vẫn có thể hát.

Đôi lần, ông xuống nhà tôi ở quận 6, không gặp tôi, ông trò chuyện với nhà tôi và các con tôi. Khi nghe vợ chồng tôi có ý định xây nhà trên mảnh đất ở Gò Vấp, ông đưa chúng tôi đến Biên Hòa gặp kiến trúc sư Đinh Thiên Tứ - bạn ông - nhờ thiết kế.

Từ khi ra tù, Đinh Thiên Tứ bỏ nghề, không nhận bất cứ công việc chuyên môn nào. Nếu không có Tô Thùy Yên, chắc chắn chúng tôi không thể có được ngôi nhà trang nhã, thanh thoát, chan hòa nắng gió này.

Ông nói với tôi, ông mong có dịp ra Hà Nội, nơi ông từng qua giữa đêm khuya trong chiếc xe chở tù bít bùng, chật chội. Ông một mình chạy xe đến hồ Trị An:
đi giữa trăng tranh/ràn rạt gió lùa/hư rỗng tuênh toang/ bốn phía rừng xa mịt mịt...

Những quán quýt bạn bè, những lo toan giúp đỡ, những tỏ bày, những chuyến đi... phần nào nói lên tâm trạng của Tô Thùy Yên lúc này. Ông vừa ra khỏi tù lần thứ ba chưa bao lâu và đang chuẩn bị cho việc rời bỏ quê cha đất tổ. Có thể nói, đó là quãng thời gian rất đặc biệt trong cuộc sống của ông: chưa dứt khỏi ký ức nặng nề, bàng hoàng giữa những ngày đang sống (*Lang thang rã rời ngoài phố đông người/ không gặp một ai quen... Bất chợt nghe như đòi đã muộn/ Muộn đến chán chường rũ thõng đôi tay/Tưởng không cái vợi nào còn bắt kịp...*) và, đứng trước một chuyến ra đi không dễ dàng, thậm chí, là một chuyến đi đau đớn, đầy ưu uất: *Anh ra đi/Bút ruột mà đi/ Như đã một lần cũng bút ruột/Đi những mười năm tưởng chẳng còn về...*

Cuối năm, trước khi cùng gia đình rời Việt Nam, ông đem cho tôi một số bài thơ chép tay, như món quà cho người bạn vong niên: *Ngoài cõi võ vàng, Giấc hoành môn, Những mẫu giấy rời, Những thành phố mà ta không ghé lại, Bài thơ chia tay dành cho người duy nhất đọc*, một bài không có tựa đề

Và bản in bài *Ta về* (có lẽ trên một tạp chí ở hải ngoại) với các ghi chú:
Xin đừng phổ biến. Đa tạ.
Chữ Tô Thùy Yên rất đẹp.

Các bài thơ đều được viết trong năm 1993. Sau này, trong *Thơ tuyển, Bài thơ chia tay...* được lấy tựa *Giã biệt* và không thấy có *Những mẫu giấy rời, Ngoài cõi võ vàng*, bài thơ không tựa đề. Có thể Tô Thùy Yên không chọn. Mà cũng có thể ông không còn lưu giữ chúng.

Tô Thùy Yên dường như không có thói quen lưu giữ các bài thơ của mình, dưới bất cứ hình thức nào. Làm thơ từ cuối những năm 1950 mà đến năm 1995 ông mới cho xuất bản tập thơ đầu tiên. Được biết, khi làm sách, ông đã phải nhờ cậy bạn bè và những người yêu thơ còn lưu giữ thơ ông. Một trường hợp hy hữu.

Thơ của gã du hành muôn năm muôn nơi
Nhưng một cuộc gặp khác, cuộc gặp Thơ Tô Thùy Yên thì phải chờ đến mấy năm sau. Có thể nói, đây là một cuộc gặp gây chấn động với tôi. Mười mấy năm trôi qua, kể từ khi có *Thơ tuyển* và *Thấp tạ* (3), tôi luôn có ý định viết về thơ Tô Thùy Yên nhưng lại luôn ngần ngại, lo mình không đủ thấu hiểu, không đủ sự đồng cảm (4). Chỉ khi nhận được thư điện tử của ông vào cuối năm 2015 (5), tôi mới khởi sự.

Như mọi nhà thơ lớn, khi bắt đầu, Tô Thùy Yên đã định vị chỗ đứng của mình. Thi sĩ 18 tuổi lựa chọn sự đối đầu. Với Thượng đế, "*Đầu tôi cứng và trơn/ Thượng đế làm sao ngự*", với Hư vô: "*Có đọc thuộc thánh thư/Linh hồn tôi vẫn vậy/Tôi vẫn không thể lạy/Dù*

đứng trước hư vô”, với Cuộc đời: “Vội thứ linh hồn quốc cấm/ Tôi tù tội chung thân”, với Thơ: “Tôi giựt giành đồ máu vội tôi/ từng chữ một”. Và, thi sĩ chấp nhận nỗi cô đơn: “Tôi thấy đã mất mát/ Tất cả trừ cô đơn”, chấp nhận “cuộc tuần du bất tận... về nơi hẹn nào không định trước”, chấp nhận những đau đớn, những oan khiên, những trượt lỡ của cuộc đời. Đó là một lựa chọn có ý thức. Và vì vậy, đã được nhà thơ giữ trọn suốt một đời thơ dài hơn 60 năm.

Có thể nói, thơ Tô Thùy Yên là câu chuyện của “gã du hành muôn năm muôn nơi”. Cách khác, chính xác hơn, đó là cuộc độc thoại của con người đầy ý thức về cõi thế, về cõi người, về lẽ mất, còn, về dựng xây và hủy diệt, về hy vọng và tuyệt vọng...

Cách khác nữa, là lời tự vấn, là những câu hỏi, nhiều khi không lời đáp, sau những gì đã đi qua, sau những hạnh ngộ và chia lìa, sau những hân hoan hiềm hoi và những khổ lụy lâu dài của kiếp người. Dù là cách nào đi nữa, cuối cùng, thơ Tô Thùy Yên cũng đem lại cho ta những suy nghĩ lớn lao, những rung cảm mãnh liệt, những dày vò khôn nguôi, và, vẫn còn đó, những câu hỏi mà ta cũng không tìm ra lời đáp hay chỉ là “Câu hỏi vạn niên/ Lời đáp nhất thời”.

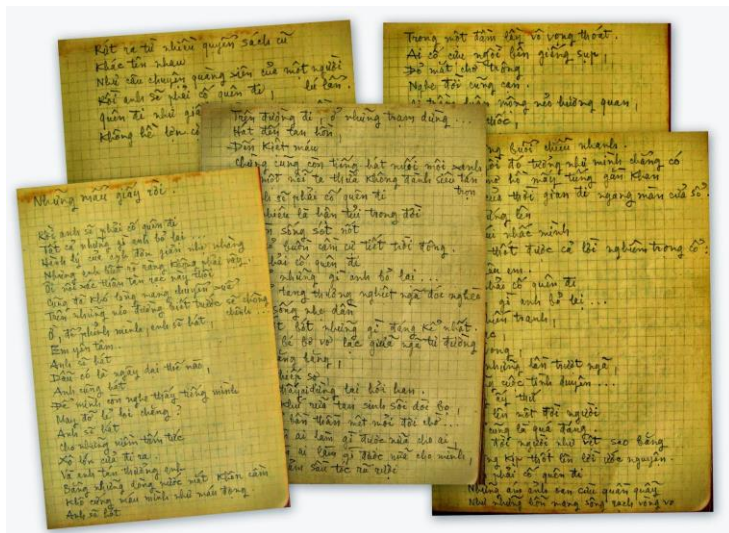
Đó là câu chuyện của bậc thượng thừa, bậc tiên tri. Chẳng phải thế sao. Ai, ngoài ông, có thể tiên cảm kinh hoàng về những tai ương, những tang tóc mà nhân loại hôm nay đang hứng chịu:

*Một ngày, ngọn gió lạ thường sẽ thổi tới
Ngoài biển khơi, trên lục địa
Sò hén, côn trùng cũng chẳng yên thân*

Đặng Tiến tinh tế khi cho rằng thơ Tô Thùy Yên là “những bài thơ ngoài thời gian và vô quốc tịch”.

Câu thơ soi mệnh viết mà khóc

Vào năm 1972, trong bài thơ *Bất tận nỗi đời hung hãn đó*, nhà thơ từng cầu ước được một lần thấu suốt định mệnh của mình. Nhưng, về như, ông đã không được toại ước, không thể biết rằng, chỉ vài ba năm sau đó, đã phải đặt chân lên đoạn đường tàn khốc của đời mình.



Thủ bút của Tô Thùy Yên

Đó là thời của mùa hạn: mùa hạn của trời đất, mùa hạn của thể xác, của tâm tưởng:

*... Nước khe, cơm độn, thân tàn rạc
Sống chẳng khôn, cầu được thác thiêng*

Đó là thời của những chuyến *Tàu đêm* lao vào cõi mịt mù tựa như một mũi khoan xoáy vào tâm trí đớn đau của người tù:

*... Tàu đi như một cơn điên đảo
Sắt thép kinh hoàng va đập nhau
Ta tưởng chừng nghe thời đại động
Xô đi âm ỉ một cơn đau...*

Nhưng, với con người ấy, những oan khiên, những mất mát, những khổ lụy của cá nhân không làm lụi tắt tình yêu thương bất tận với đồng loại, không làm lụi tắt nỗi lo âu nhân thế. Chính trong cái *Mùa hạn* kinh hoàng ấy, trong cảnh tù đầy khốn khổ ấy, những câu thơ vẫn bật lên ánh sáng nhân ái kỳ diệu nhất mà con người có thể có được:

*... Tất cả rồi đây sẽ đổi thay
Đổi thay từ quặng mỏ, mầm cây
Đổi thay cả mặt người tăm tối
Những bốt chàm xưa được xóa trôi*

Chính trên chuyến tàu đêm mịt mù, vô vọng ấy, những câu thơ lại như những lời kêu gọi vang vọng, những khắc ghi sâu đậm trên ngày tháng:

*... Tàu ơi, hãy kéo còi liên tục
Cho tiếng rền vang dội địa cầu
Lay động những tầng mê sáng tối
Loài người hãy thức, thức cùng nhau*

Thật khó hình dung đó là tiếng nói của một người tù nhưng thật dễ hiểu, khi biết, người tù đó là nhà thơ Tô Thùy Yên - người từng chọn cho mình một cách giã từ đẹp đẽ nhất, sang cả nhất:

*Rời đến một hôm nào
Ta mắc lại
Trên cành cây bắt chợt gặp bên đường
Tắm áo sinh thời nặng trĩu bụi
Như một lời từ biệt nghe rồi quên.*

Đó là những vần thơ *Lấy mình soi mệnh mình*.

Lòng ta vô sự, ta vui vẻ

Câu thơ này nằm trong bài *Hề, ta trở lại gian nhà cỏ*, một bài thơ hiếm hoi dường như chứa chất nỗi vui, sự thanh thản của tâm hồn. Dù vậy, ngay lần đầu đọc câu thơ, tôi đã ngỡ ngàng có điều chi bất ổn. Có thể vì tôi đã đọc quá nhiều những câu thơ đau đớn, dằn vặt, thẳng thốt về nỗi đời của Tô Thùy Yên.

Chúng phủ trùm lên tâm trí người đọc, không nhường chỗ cho bất cứ điều gì khác. Mà cũng có thể, chính âm hưởng của câu thơ đã phủ định ý nghĩa của từ ngữ. Nếu quá ta vui vẻ, ta vô sự, hẳn ta chẳng cần “tuyên bố” như vậy.

Trong lời tuyên bố này hàm chứa một điều gì giống như sự gắng gượng, gắng tỏ ra vui vẻ, gắng quên những lo âu, phiền lụy:

*Ví dù ta ngủ không còn dậy
Ất hẳn lòng ta cũng đứng đưng...*

Về như, cuộc gắng gượng không thành. Xem ra, lòng chẳng hề vô sự. Xem ra, cuộc "làm lại tâm hồn" cũng chỉ là một dự tính bất thành.
Hạnh phúc, tình yêu, niềm vui... trong thơ Tô Thùy Yên thường ở trạng thái của một mơ ước, một dự tưởng. Vườn hạ trong xanh dịu dàng kia chỉ là việc của "mai kia mốt nọ", những cảnh thanh bình yên ả chỉ là nỗi nhớ tiếc:
*Còn ở đâu miền xanh bóng cây
Để ta đến đó ngồi trưa nay
Dường như hơi mát trong vòm lá
Có chất men làm ta thoảng say...*

Và, tình yêu. Và niềm vui chỉ là một khát vọng khôn cùng, một mong mỏi khiêm nhường:
*Hãy hạnh phúc nhất thời
Như dấu lặng
Hãy hạnh phúc nhất thời
Như tiếng mưa rào, như lời cô hát
Như ánh chớp đùa, như hạt sương gieo
Như giọt nước lan reo mà tự hủy...*

Liệu con người này có lúc nào vô sự, có lúc nào vui vẻ, thanh thoi như câu thơ ông từng viết?

Ta về khai giải bùa thiêng yểm
Cuộc "khai giải" này dường đã được bắt đầu từ rất lâu, trước tai ương, trước mười năm tù lưu xứ, trong căn cốt, trong tri cảm của thi sĩ - hành giả.

Ví như, từ một lần đi đến ngôi quán vắng vẻ kia: *Lỗi tự mình, lỗi tự mình thôi/ Đã chẳng nhớ ra ngày tháng hẹn... Tội cho người, tội bậy cho người/ Cũng đến đây chờ chẳng gặp ai... Việc đời làm lẫn vậy/ Hối mấy chẳng hơn gì.*

Ví như, từ một lần đến Trường Sa: *Ta hỏi han, hề, Hiu quạnh lớn/ Mà Hiu quạnh lớn vẫn làm ngờ... Mùa gió xoay chiều, gió khốc liệt/ Bãi Đông lờ mắt, bãi Tây bồi/ Đám cây bật gốc chờ tan xác/ Có hối ra đời chẳng chọn nơi...*

Ví như, từ bao nhiêu chiêm nghiệm về lẽ đời: *Đừng loạn tâm, đừng loạn tâm/ Cuối chặng hành trình quay đảo nhất/ Cả thầy sẽ an nhiên/ Trong trật tự hằng hằng của vũ trụ...* Và, cuộc "khai giải" sâu đậm nhất đã diễn ra trong một lần gặp mặt tưởng tượng với người lính bên kia chiến tuyến:
*Ta thương ta yếu hèn
Ta thương người khờ khạo
Nên cả hai cùng cam phận quay cuồng
Nên cả hai cùng mắc đường Lịch sử...
(Chiều trên phá Tam Giang)*

Chắc chắn, nếu không có cuộc "khai giải" trong tâm tưởng ấy, không có cuộc khai giải tự lòng mình ấy, không thể có hình ảnh người tù: *Ta về một bóng trên đường lớn; không thể có cảnh tượng: Tưởng tượng nhà nhà đang mở cửa/ Làng ta, ngựa đá đã qua sông/ Người đi như cá theo con nước/ Trống ngũ liên nô nả gióng mừng; không thể có nỗi*

hàm ơn: *Ta về cúi mái đầu sương điểm/ Nghe nặng từ tâm lượng đất trời/ Cám ơn hoa đã vì ta nở/ Thế giới vui từ mỗi lẻ loi*; không thể có sự bình tâm: *Em hãy yêu lấy thành phố của anh/ Như tất cả những gì anh gửi lại/ Trong buổi chiều dịu lãng đời em/ Thành phố của anh/ Bây giờ đã thuộc về em/ Như lời nói thuộc về nhà thơ phe thắng trận*; không thể có cuộc lễ tạ đơn độc mà kỳ vĩ: *Ta về như lá rơi về cội/ Bếp lửa nhân quần ấm tối nay/ Chút rượu hồng đây, xin rưới xuống/ Giải oan cho cuộc biển dâu này...*

Cuộc khai giải huy hoàng và đau đớn này, chỉ có thể được làm nên bởi chính tri cảm của một người lớn, một nhà thơ lớn.

Mà, bài thơ ông muốn viết vẫn chưa xong (6).

Các nhà phê bình văn học danh tiếng như Đặng Tiến, Thụy Khuê, Nguyễn Hưng Quốc, Bùi Vĩnh Phúc... đều đã thử bút với thơ Tô Thùy Yên. Và, dường như chưa ai trong số họ cho rằng họ đã nói lời sau cùng về ông. Chắc chắn, những nhà phê bình tiếp sau họ, những độc giả của tương lai, sẽ đọc Tô Thùy Yên với một định chuẩn thẩm mỹ mới, bởi Thơ Tô Thùy Yên là kho báu của thơ Việt, bởi Tô Thùy Yên là “một trong những tiếng thơ lớn, của 20 năm văn chương miền Nam” (Du Tử Lê).

Chính xác hơn, Tô Thùy Yên là nhà thơ lớn của nền thơ Việt Nam hiện đại.

Tô Thùy Yên tên khai sinh là Đinh Thành Tiên, sinh năm 1938 tại Sài Gòn, cựu học sinh Petrus Ký và Đại học Văn khoa, **mất 5.2019 tại Hoa Kỳ**.

Ông bắt đầu có thơ đăng trên báo Đồi Mới (thập niên 1950) và cùng với Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, các họa sĩ Duy Thanh, Ngọc Dũng, là những nòng cốt của nhóm Sáng Tạo, một nhóm sáng tác đã từng được biết đến với phong trào khai sinh “Thơ tự do” trên văn đàn miền Nam thập niên 1960.

Cuối năm 1963 ông nhập ngũ, phục vụ ngành chiến tranh chính trị quân đội Sài Gòn. Sau 30.4.1975, Tô Thùy Yên phải tập trung cải tạo tổng cộng gần 13 năm, đến 1993 ông cùng gia đình sang Hoa Kỳ định cư.

Tô Thùy Yên là một trong số các nhà văn hải ngoại **vừa nhận được lời mời về nước** tham dự “một cuộc gặp mặt nhẹ nhàng và ấm áp” với các nhà văn trong nước dự định tổ chức vào hạ tuần tháng 10 tại Hà Nội.

(*) *Tựa bài viết cũng như các câu thơ in nghiêng trong bài viết là thơ Tô Thùy Yên*

(2) Các títt phụ đều là thơ Tô Thùy Yên

(3) Tên hai tập thơ của Tô Thùy Yên

(4) Đặng Tiến: “Tác giả kén chọn người đọc và cách đọc, có lẽ vì thế mà 40 năm sau khi có thơ thường xuyên đăng trên báo, anh mới cho xuất bản một tập thơ tuyển, viết về anh có phần khó, không phải ở khâu bình giải khen chê, mà ở mức độ đồng cảm” (Ngựa phi, ngựa phi đường xa)

(5) Trích thư Tô Thùy Yên trả lời về việc xin đăng thơ ông trên Văn Việt: “... Về những bài thơ, xin cô cứ tùy nghi. Tôi thiết nghĩ, dù xa mặt, bao giờ cô cũng chẳng nở làm gì có thể hại thanh danh và khí tiết của tôi...”

(6) Trời rạn/Chuyến đi không hoãn được/ Bài thơ tâm phát dấu chưa xong/ Xin vẫn cài hờ lên cửa tạ (Thơ tạ)

Góp phần tưởng nhớ nhà thơ Tô Thùy Yên mới vĩnh viễn ra đi Phạm Cao Dương (Giáo sư Sử gia)

Từ Nhiêu Nhượng đến Thiên Hạ Đại Loạn: Thời Đại Của Nguyễn Du và Thời Đại của Chúng Ta

Trong hầu hết các tác phẩm viết về Văn Học Sử Việt Nam, Nguyễn Du thường được xếp vào thời Nguyễn Sơ hay Tiền Bán Thế Kỷ 19. Sự sắp xếp này có lẽ đã được căn cứ vào thời gian nhà đại thi hào của chúng ta sáng tác *Truyện Kiều* sau chuyến ông đi sứ nước Tàu về, tức sau năm 1813. Sắp xếp như vậy tôi nghĩ không được hợp lý và quá tùy thuộc vào các yếu tố chính trị và vào sự phân định thời gian theo lối Tây Phương. Lý do là vì sắp xếp và phân định thời gian trong văn học sử không nhất thiết phải gò bó một cách cứng nhắc y như sự sắp xếp trong sử học, đành rằng ngay trong sử học, nhất là lịch sử văn minh, khi nói tới Thế Kỷ 19, người ta không bắt buộc phải nghĩ rằng thế kỷ này phải bắt đầu vào năm 1800 và chấm dứt vào năm 1899, cũng như Triều Nguyễn phải bắt đầu vào năm 1802. Tất cả đều có thể sớm hơn hay trễ hơn tùy từng khía cạnh hay cách nhìn của sử gia về mỗi vấn đề, mỗi tác giả. Lý do rất đơn giản: một tác phẩm văn học, đặc biệt tác phẩm văn học lớn thường phản ánh hoàn cảnh chính trị và xã hội của cả thời đại của tác giả.

Đối với *Truyện Kiều*, được viết sau năm 1813 không có nghĩa là chỉ thuộc Thế Kỷ 19, chỉ thuộc Thời Nguyễn Sơ. Trái lại, đại tác phẩm này phải được coi là đã thành hình từ nhiều chục năm trước đó và được kết tinh trong thập niên thứ hai của Thế Kỷ 19, dưới thời Nhà Nguyễn. Nó không phải chỉ phản ánh cuộc đời và tâm sự riêng của Nguyễn Du mà còn phản ánh cuộc đời và tâm sự chung của một phần không nhỏ những người thuộc thế hệ ông, những người sinh trưởng ở Bắc Hà trong hậu bán Thế Kỷ 18, dưới thời Lê -Trịnh và còn tiếp tục sống trong những thập niên đầu của Thế Kỷ 19 dưới thời Nguyễn Sơ. Phạm Quý Thích và hơn hai chục ông nghè khác của Triều Lê chẳng hạn. Gia dĩ ngoài *Truyện Kiều*, Nguyễn Du còn là tác giả của nhiều tác phẩm khác không kém giá trị ngoài tính phổ thông trong dân gian của chúng, *Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh* mà các sư ở các chùa ở Miền Bắc luôn luôn ngâm đọc với một giọng điệu vô cùng đau thương và thảm thiết trong ngày Rằm Tháng Bảy, ngày cúng cô hồn, chẳng hạn. Trong bài này, tôi muốn cùng bạn đọc nhìn lại thời đại của Nguyễn Du và những ảnh hưởng của những gì đã xảy ra ở thời này đối với cuộc đời, tâm tư và sự nghiệp của tiên sinh, đồng thời so sánh phần nào thời đại đó với thời đại của chúng ta hiện tại với một ước vọng trong những năm tới đây chúng ta có thể chứng kiến sự ra đời của không phải của một mà nhiều tác phẩm lớn nếu không hơn thì ít ra cũng không kém tác phẩm của Tiên Điền Nguyễn Tiên Sinh. Tất nhiên ước vọng là một chuyện, có được hay không lại là một chuyện khác. Nhưng ước vọng thì cứ ước vọng.

Trong lịch sử Việt Nam từ Thế Kỷ 19 trở về trước, không có thời kỳ nào đen tối hơn thời kỳ của những năm cuối cùng của thời Lê Mạt và trong toàn bộ lịch sử Việt Nam, không có thời nào suy đốn và nhiều bạo lực hơn thời kỳ sau năm 1945. Nguyễn Du đã sống trong những năm cuối cùng của thời Lê Mạt và chúng ta đã sống trong những chục năm sau Thế Chiến Thứ Hai. Trong lịch sử văn học Việt Nam, Nguyễn Du có thể nói là một người đã sống một cuộc sống đau thương nhất, u buồn nhất, do đó đã mang một tâm sự u uẩn nhất, xót xa nhất. Còn trong lịch sử dân tộc, chúng ta là những kẻ đã phải gánh chịu hay được chứng kiến nhiều cảnh đổ vỡ, chia ly éo le nhất, từ đó đã

mang những niềm đau khắc khoải nhất, thâm kín nhất, đặc biệt là những người đã có cái may, hay không may sinh ra và trưởng thành trong những năm trước khi Thế Chiến Thứ Hai chấm dứt và hiện tại vẫn còn đang sống. Nguyễn Du cũng là người có cái may đồng thời cũng là cái không may tương tự. Hai đại biến cố, hai cuộc đời cách nhau hơn bốn trăm năm, tuy mang những tính cách đặc thù của những biến cố và những sự thực lịch sử vẫn có những tác động giống nhau đối với nội tâm của con người. Có khác chăng là ở thời Nguyễn Du mọi chuyện chỉ xảy ra quanh quẩn trong nội địa của nước Việt Nam và giữa người Việt Nam với nhau. Còn ở thời đại chúng ta mọi chuyện đã xảy ra trên một bình diện lớn lao hơn, cổ kim chưa từng có, là khắp thế giới. Biến cố 30 tháng 4, 1975 đã bầy tung hàng triệu người Việt ra khắp địa cầu để đến bây giờ, bước sang Thiên Niên Kỷ Thứ Ba sau Tây Lịch, một học sinh Việt Nam đã có thể hãnh diện được học rằng: “*Mặt trời không bao giờ lặn trên những miền đất có người Việt Nam cư ngụ!*” thay thế cho một học sinh người Anh hồi cuối Thế Kỷ 19, với tất cả những cái may cũng như những cái không may của sự kiện lịch sử này.

Sinh năm 1865, dưới thời Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 26, trong một gia đình cha, chú, anh, em đều thi đậu và làm quan to vào bậc nhất phẩm đương thời. Nguyễn Du đã có dịp sống cuộc đời niên thiếu của một công tử con nhà thế gia, vọng tộc ở chốn kinh đô ngàn năm văn vật, vào lúc cơ nghiệp của hai họ Lê, Trịnh còn tương đối vững chãi, chưa có gì báo trước một sự sụp đổ trong tương lai. Ông hãy còn được thấy tận mắt hay được nghe nói về cuộc sống nghiêm ngặt hay nhàn rỗi, xa hoa ở các cung vua, phủ chúa vào lúc nước nhà vô sự như được tả trong *Thượng Kinh Ký Sự* của Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác (1720 – 1791) hoặc *Vũ Trung Tuy Bút* của Phạm Đình Hổ (1768 – 1839), mặc dầu cha mẹ mất sớm và mặc dầu không được thành công lắm trên đường khoa hoạn. Nhưng kể từ khi Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm mất (1782), thế đứng của hai họ Lê, Trịnh đã bắt đầu suy sụp. Kiều Bình làm loạn (1784) và Tây Sơn ra Bắc (1786 – 1787) đã chấm dứt triều đại Nhà Lê sau ngót bốn trăm năm trị vì kể từ khi Lê Thái Tổ đánh đuổi Quân Minh dựng nên nghiệp lớn (1428 -1787) và làm sụp đổ ngôi chúa của họ Trịnh. Tố Như Tiên Sinh lúc ấy mới có 22, 23 tuổi. Cuộc đời đầy u buồn, bất đắc chí, xen lẫn với những nuối tiếc của ông bắt đầu từ khi ông phải tản cư về ẩn náu ở quê vợ thuộc xã Hải An, huyện Quỳnh Côi, tỉnh Thái Bình ngày nay, xa hẳn đất kinh kỳ, nơi sau này chỉ còn là cảnh:

*Thiên niên cự thất thành quan đạo,
Nhất phiến tân thành một cổ cung.*
(Thăng Long I)

*Dinh xưa cung cũ còn đâu?
Mà nay đường trước thành sau khác rồi!*
(Hoa Đăng dịch)

hay:
*Tương thức mỹ nhân khan bảo tử,
Đồng du hiệp thiếu tận thành ông.*

*Người đẹp buổi xưa đều bé trẻ,
Bạn chơi thuở nhỏ thấy thành ông!*
(Quách Tấn dịch)

khi Nguyễn Du “*Bạch đầu do đắc kiến Thăng Long*” (*Bạc đầu còn được thấy Thăng Long*) nhân chuyến đi sứ Nhà Thanh vào năm 1813 có dịp ghé lại.

Chưa hết, sự đổi chủ đã không diễn ra một cách êm đềm mà trong cảnh “*Máu tươi lai láng , xương khô rụng rời*” với những “*Bãi sa trường thối nát máu rơi*” để “*Phơi thây trăm họ nên công một người*” đã liên tiếp xảy ra mà Nguyễn Du đã tả trong *Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh*. Nguyễn Hữu Chỉnh, người bạn giao du thân thiết với anh em họ Nguyễn, người được coi là thiên tài vô song của đất Bắc Hà, đã bị xé xác, phơi thây, bào huynh của Nguyễn Du là Nguyễn Quỳnh cũng bị Tây Sơn giết chết. Anh em xưa kia quây quần đồng đức, nay ly tán mỗi người một phương, còn chính Nguyễn Du cũng đã hơn một lần bị Tây Sơn bỏ ngục. Cuối cùng vào năm 1796, tiên sinh đã phải bỏ tất cả, trở về sống ở chốn cố hương, ngày ngày đi săn để mai danh ẩn tích, nhưng vẫn một lòng tưởng nhớ tới Nhà Lê với một tâm sự mà Hồng Liên Lê Xuân Giáo, một trong những vị túc nho lão thành đã di tản sang sống ở San Diego trong thời đại của chúng ta, đã so sánh với tâm trạng của Đặng Dung, xuyên qua hai câu thơ trong bài *Thuật Hoài* của vị nghĩa sĩ của Thời Hậu Trần này:

*Trí chủ hữu hoài phù địa trực,
Tẩy binh vô lộ vẫn thiên hà.*

*Vai khiêng trái đất mong phò chúa,
Giáp gột sông trời khó vạch mây.*
(Phan Kế Bính dịch)

với một lòng ước vọng không bao giờ đạt được là “*Muốn ra tay tát cạn Biển Đông*”. Có điều là vận của Nhà Lê đã hết. Năm 1802, Gia Long thống nhất đất nước. Người ẩn sĩ đã không sao ẩn được danh mình vào lúc toàn thể non sông đã đổi chủ, vào lúc:

*Trời Đông Phổ ào ào gió động,
Hội tao phùng đá ủng tân quân.*
(Bùi Kỳ, *Văn Tế Tiên Điền Nguyễn Du*)

để cuối cùng thấy mình “*dật dân bồng hóa hàng thần lạ thay*” hay “*Hàng thần lơ láo*” và chẳng biết “*phận mình ra đâu*”. Bị triệu vời với đích danh, Nguyễn Du đã phải ra làm quan với Nhà Nguyễn một cách miễn cưỡng trong mười tám năm ròng. Cuối cùng ông đã tự kết liễu đời mình bằng cách đau mà không chịu uống thuốc.

Nếu lập một bảng đối chiếu đại cương thời đại Nguyễn Du với thời đại chúng ta hiện tại, ta có thể thấy vô số những điểm tương đồng. Cũng với đất nước bị chia đôi với con Sông Gianh được thay thế bằng Sông Bến Hải. Cũng một xã hội tuy không cường thịnh nhưng những gì các thế hệ trước để lại vẫn còn nguyên vẹn, với những thành trì, cung điện, lăng tẩm, chùa chiền, đền miếu, tập tục, lễ nghi, văn chương đạo đức... mà một dân tộc văn minh phải lấy làm hãnh diện. Cũng với những mốc thời gian then chốt, 1784 và 1787 cho thời Nguyễn Du và 1945, 1975 cho thời hiện tại. Cũng với những đổi thay và đòi hỏi vĩ đại, khủng khiếp cho một con người bình thường, với những cảnh “*thất thế tên rơi, đạn lạc*”, “*máu tuôn lai láng , xương khô rụng rời*” trên mặt đất, hay những trường hợp “*đem thân chôn giáp vào vòng kinh nghệ*” trên mặt biển, đặc biệt là của những thành phần xưa kia “*phong gấm rủ là*”, “*màn lan trướng huệ*”, “*cung quế phòng hoa*”. Nhưng ở thời đại chúng ta còn ngang trái, bi thảm hơn nhiều. Người anh hùng đất Bình Định, sau khi diệt Nhà Lê, đã đánh dấu triều đại của mình bằng chiến thắng vĩ đại ở Gò Đống Đa, tiếp đó đã khơi dậy trong lòng dân tộc mình một tinh thần tự tin và tự chủ qua dự định lấy lại Lương Quảng về cho đất nước, do đó đã được một phần dân chúng Bắc Hà chấp nhận. Những kẻ xâm chiếm Miền Nam năm 1975 đã không làm nên điều gì mọi người mong đợi. Trái lại, chiến thắng của họ đã xô đẩy dân tộc Việt Nam đến một tình trạng càng ngày càng tăm tối, tòi tệ hơn. Ở thời đại Nguyễn Du, tuy bất đắc dĩ phải phục vụ tân quân và tân triều, nhưng các sĩ phu Bắc Hà thời ông

đã được phục vụ với đầy đủ danh dự như là những quan lại, kể cả quan lại cao cấp của Triều Đình Huế. Ở thời đại của chúng ta, những kẻ hậu duệ của Tố Như Tiên Sinh cũng phải miễn cưỡng ra phục vụ triều đại mới nhưng là phục vụ trong những trại tù khổ sai được những kẻ chiến thắng, giả nhân, giả nghĩa gọi là lao động cải tạo hoặc đem thân ra làm thuê, làm mướn nơi đất khách, quê người để nhà cầm quyền lấy tiền trả nợ, hay lên các vùng kinh tế mới ở với rấn và gió, trong những căn lều không vách... Ở thời đại Nguyễn Du không có những trận đói trong đó nhiều làng một mạng sống không còn để những thành phần chống đối chính quyền đương nhiệm có cơ lợi dụng. Ở thời đại chúng ta không ai có thể quên được Trận Đói Tháng Ba Năm Ất Dậu 1945 khiến hai triệu người bị chết. Ở thời đại Nguyễn Du không có chuyện vu cáo và thanh toán lẫn nhau bằng kết tội nhau là Việt gian, phản động và thủ tiêu nhau vô tội vạ. Ở thời đại Nguyễn Du không có chuyện Tự Vệ Vũ Trang với những cuộn dây thừng để bắt Việt gian, với Công An chặn đường bắt cóc mang đi mất tích hay đương đem vào nhà bắt người mang đi rồi ít ngày sau nạn nhân chỉ còn mình một nơi, đầu một nẻo với một bản án gắn trên ngực, không có chuyện đồng chí con, đồng chí bố, vợ tố cáo chồng, con tố cáo cha, không có Đảng, không có Cách Mạng có quyền sinh sát trong tay để khoan hồng hay bắt người đền tội. Ở thời đại Nguyễn Du không có những cuộc chiến triển miên kéo dài cả ba chục năm mà vẫn chưa hoàn toàn kết thúc với ba, bốn và có thể năm triệu người chết và không biết bao nhiêu triệu người đau khổ. Ở thời Nguyễn Du biến loạn chỉ ảnh hưởng giới hạn trong giới cầm quyền hay lãnh đạo. Ở thời Nguyễn Du chiến tranh chỉ xảy ra ở kinh đô và một số những địa điểm quan trọng. Ở thời đại chúng ta, chiến tranh xảy ra ở khắp các làng xã, các hang cùng ngõ hẻm, thậm chí cả những vùng rừng núi, những thôn bản xa xôi, trước kia rất ít người các miền đồng bằng lui tới. Ở thời đại chúng ta, chiến tranh là chiến tranh toàn diện, không một người dân nào, dù là đàn bà, con trẻ, những kẻ khổ rách, áo ôm, những người cùng đinh trong xã hội, bằng cách này hay cách khác, không bị cuốn hút vào cuộc chiến, sau đó là sự cưỡng chiếm miền Nam của người Cộng Sản miền Bắc và cuộc ra đi tị nạn của hàng triệu dân Việt trong suốt hơn bốn chục năm và ảnh hưởng của nó trên toàn cầu, cùng với lối trả thù những người bị kẹt lại một cách vô cùng hiểm độc, dã man, khó có thể tưởng tượng được bởi những người Cộng Sản miền Bắc sau biến cố 30 tháng Tư, 1975. Tất cả đã dẫn tới hai phong trào dời bỏ quê hương mà Phạm Duy, trong bài *1954 Cha Bỏ Quê, 1975 Con Bỏ Nước* đã diễn tả bằng những câu hát như:

*Một ngày năm bốn cha bỏ Sơn Tây,
Đất dúi con thơ vô sống nơi Biên Hòa.
Dù là xa đó vẫn là nước nhà.
Một mảnh đất thân yêu gia đình ta.*

.....
*Một ngày bảy lăm con đứng ở cuối đường,
Loài quỳ dữ xua con ra đại dương..
Một ngày bảy lăm con bỏ nước ra đi.
Hai mươi năm là hai lần ta biệt xứ.
Giờ cha lưu đầy ở ngay trên nước ta,
Và giờ con lưu đầy ở đây nơi xứ lạ...*

Cuối cùng là sự thành hình của Cộng Đồng Việt Nam ở Hải Ngoại với nhiều hứa hẹn sẽ trở thành thành phần thứ hai của Dân Tộc Việt Nam độc lập với thành phần ở trong nước mà tôi gọi là Siêu Quốc Gia Việt Nam của Thiên Niên Kỷ Thứ Ba với Thế Kỷ 21 là thời kỳ chuyển tiếp.

Sự so sánh kể trên nếu chỉ được đặt ra một cách đơn thuần, nói chung, có thể bị cho là không cần thiết, đặc biệt là đối với những người thường lưu tâm đến sự nghiệp của thi

hào Nguyễn Du, nói riêng, ai cũng có thể làm được. Nhưng tôi đã lựa chọn nó để trình bày ở đây vì từ trước tới giờ tôi luôn luôn thắc mắc là ở thời Lê Mạt, một thời không có gì đáng gọi là huy hoàng của lịch sử dân tộc, đứng trên bình diện chính trị, ngoại giao hay quân sự, trái lại đó là một thời kỳ đại loạn, thế mà trong thời này lại có nhiều tác phẩm lớn, bất hủ xuất hiện. Thời của chúng ta so với thời Lê Mạt còn tệ hại hơn nhiều. Câu hỏi được đặt ra là liệu rằng trong thời hiện tại đã có những công trình nào đáng kể xuất hiện chưa và trong tương lai liệu có tác phẩm nào xuất hiện không? Nguyễn Du với những tâm sự u uẩn bồi bồi, chất chứa trong lòng từ nhiều chục năm, sau chuyến đi sứ sang Tàu của ông đã để lại cho hậu thế những áng văn vô giá, bất hủ. Người Việt chúng ta trong thời đại mới cũng có dịp xuất ngoại và xuất ngoại ra nhiều hơn là ra một nước Trung Hoa và lưu lại suốt đời hơn là một thời gian đi sứ ngắn ngủi. Liệu rằng trong những năm, những chục năm sắp tới, điều người ta mong đợi có xảy ra không? Câu hỏi này cho đến nay chưa có câu trả lời, nhưng tôi tin tưởng rằng một khi được tìm tòi sẽ có rất nhiều hy vọng là sẽ có, nhất là ở các anh em trẻ vì anh em vừa được sống, vừa được học hỏi. Thời Nguyễn Du, Tiên Sinh và những người đồng thời với Tiên Sinh chỉ được biết có một nước Tàu. Trong thời đại của chúng ta, chúng ta được biết nhiều hơn một nước Pháp hay một nước Mỹ, một nước Nga hay một nước Tàu. Hơn thế nữa, trong thời đại Nguyễn Du, Nguyễn Du và các cựu thân Nhà Lê khác đã mang những mặc cảm tội lỗi với triều đại cũ, những bạn bè xưa và với chính mình. Những Nhà Nho này đã hơn một lần bị đưa ra làm đề tài chế diễu. Trong thời đại của chúng ta, không thiếu những anh em, bà con của chúng ta mang những tâm sự đau lòng của những kẻ bất đắc dĩ phải đào tẩu, bỏ lại cha mẹ, vợ con, anh em, bạn bè, chiến hữu, thuộc cấp đã từng nhiều năm sát cánh chiến đấu với mình, che chở đùm bọc cho mình và đào tẩu bằng những phương tiện của người bạn cũ mà mình cho là đã phản bội mình, đào tẩu với một ý thức rõ ràng là hành động này sẽ làm cho phần đất mà mình phải bảo vệ sụp đổ mau chóng hơn. Sau đó tất cả đều đã phải tranh đấu, vật lộn để tồn tại, để hướng về tương lai, tương lai cho chính mình, cho con cháu mình và tương lai cho cả tập thể mình với những nỗi lòng không dễ gì bày tỏ cùng ai được, chẳng khác gì những miếng cơm, ngụm nước mà không thiếu gì những bà con vượt biển của chúng ta đã phải nghẹn ngào nuốt nước mắt, xót xa, tủi nhục khi nhận lãnh từ tay đám hải tặc trước đó đã làm hại đời mình.

Trong một bài tham luận đăng trên tờ *Hành Trình* do Nhà Văn Cao Thế Dung chủ trương ở Thủ Đô Washington trước đây, tôi có đưa ra một nhận xét về "*Bi Thảm Tính Trong Văn Hóa Việt Nam*" và cho rằng đặc tính này là một trong những đặc tính của văn hóa dân tộc Việt Nam. Nó đã làm cho nền văn hóa của dân tộc ta trở nên vô cùng phong phú, vô cùng sâu sắc và hấp dẫn sau một bề ngoài có vẻ u buồn, thiếu những màu sắc vui tươi so với nhiều văn hóa khác. Nguyễn Du là một trong những bằng chứng của bi thảm tính đó. Nhưng tác phẩm của ông sở dĩ mang đặc tính ấy và trở nên muôn đời bất hủ là vì nó phản ánh cuộc đời và thời đại của tác giả, một cuộc đời và một thời đại đầy dẫy những bi thảm và ngang trái. Thời đại và cuộc đời của những người Việt chúng ta thuộc hậu bán Thế Kỷ Thứ Hai Mươi, tiền bán Thế Kỷ 21 này, nếu được diễn tả bởi những thiên tài văn học tương lai hay chưa được khám phá, chắc chắn còn có giá trị hơn gấp bội. Có điều ước vọng là một chuyện, có được hay không lại là một chuyện khác. Đời người quá ngắn ngủi mà những gì người ta ước mong được thấy hay muốn làm thì nhiều, đúng như nhà thơ nổi tiếng của văn học Miền Nam và Hải Ngoại, Tô Thùy Yên, người mới từ già chúng ta để về nơi miền viễn, đã than trong bài hành bất hủ *Ta về* của ông:

*Ta về như hạc vàng thương nhớ
Một thuở trần gian bay lướt qua.
Ta tiếc đời ta sao hữu hạn,*

Đành không trải hết được lòng ta!

và người ta không khỏi không nghĩ tới tâm sự đầy u uẩn của Nguyễn Du:

*Bất tri tam bách dư niên hậu,
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như!*

*Ba trăm năm lẻ về sau,
Hỏi ai người nhớ lệ sầu Tố Như
(Người dịch, không rõ)*

còn Tô Thùy Yên thì tuy bề ngoài có vẻ nhẹ nhàng, âm thầm chấp nhận nhưng bề trong không phải là không xót xa, oán hận:

*Ta về - một bóng trên đường lớn,
Thơ chẳng ai để vạt áo phai.
Sao bỗng nghe đau mềm phé phủ?
Mười năm đá cũng ngậm ngùi thay!*

Với gần mười ba năm tù, Tô Thùy Yên đã phải sống gần hết thời gian đẹp nhất của cuộc đời trong trại tù khổ sai không có án. Hai chữ “mười năm” đã trở thành nỗi ám ảnh không rời đối với ông khiến ông đã nhiều lần nhắc tới trong bài thơ trường thiên ông làm kể trên:

*Vĩnh biệt ta mười năm chết dấp
Chón rừng thiêng im tiếng nghìn thu.
Mười năm mặt sạm soi khe nước
Ta hóa thân thành vượn cỏ sơ!*

*Mười năm thế giới già trông thấy
Đất bạc màu đi, đất bạc màu.*

*Một đời được mấy điều mong ước?
Núi lở sông bồi đã lắm khi...
Lịch sử nơi đi nhiều tiếng động,
Mười năm, cỏ lục đã ai ghi?*

*Mười năm chớp bể mưa nguồn đó,
Người thức nghe buồn tận cõi xa.*

*Quán dốc hơi thu lừa nỗi nhớ,
Mười năm người tỏ mặt nhau đây.*

*Ta nhớ người xa ngoài nỗi nhớ.
Mười năm ta vẫn cứ là ta.*

*Hãy kể lại mười năm mộng dữ.
Một lần kể lại để rồi thôi!*

*Hoa bưởi, hoa tầm xuân có nở?
Mười năm, cây có nhớ người xa?*

*Mười năm con đã già trông thấy,
Huống mẹ cha, đèn sắp cạn dầu!*

Ta về như nước Tào Khê chảy,
Tinh đầu mười năm luống nhạt mờ.

Nhưng cuối cùng thì tác giả đành mượn chén rượu để giải oan:
Chút rượu hồng đây xin rưới xuống,
Giải oan cho cuộc biển dâu này!

Nguyễn Du may mắn hơn. Thời đại của Tiên Điền Tiên Sinh chưa có trại tù cải tạo. Không những không bị đi tù, trái lại, ông còn được trọng vọng mời ra hợp tác với tân triều và lãnh những trách vụ quan trọng ở triều đình, kể cả đi sứ.

Có điều, đúng như lời Tản Đà của nửa đầu thế kỷ trước, cuối cùng tất cả chỉ còn là:
Cảnh vật đầu non đường lối cũ,
Nghìn năm thơ thẩn bóng trăng soi.

Khởi viết Cuối Thu 1982 nhân Ngày Kỷ Niệm Thi Hào Nguyễn Dục tại Quận Cam California, Hoa Kỳ
Sửa chữa và phổ biến Đầu Hè 2019 để tưởng nhớ Nhà Thơ Tô Thùy Yên mới về miền miền viễn..

Nhà thơ Tô Thùy Yên qua đời ở Texas, Hoa Kỳ theo VOA

Web Screenshot

Chiều trên phá Tam Giang

Trần Thiện Thanh & Tô Thùy Yên

Chiều trên phá Tam Giang, ánh sáng nhớ em. Nhớ ôi là nhớ ôi là nhớ đến bất tận. Em ơi! Em ơi! Em ơi! Giờ này thường xa sắp đóng cửa, người lao công quét dọn hành lang. Giờ này thành phố chợt bừng lên, để rồi tắt nghỉ sớm. Ôi Sài Gòn, Sài Gòn giờ giới nghiêm. Ôi Sài Gòn, Sài Gòn vắng giới nghiêm. Ôi em tôi, Sài Gòn quên buổi tối. Giờ này có thể trời đang nắng, em rời thư viện đi rong chơi, hàng cây viễn ngọc thục lên trời. Nghỉ tôi ngày thì tương lai thốc hết, cần phòng nhỏ cao ốc vô danh, rồi nghỉ tôi anh, nghỉ tôi anh. Giờ này có thể trời đang mưa. Em đi đâu hàng hiện san hô mát, nhìn bong bóng nước chạy trên hè, như đôi hoa nở. Giờ này em vào quán nước quen, nơi chúng ta thường hẹn rồi gặp bẽ bàng tâm trí trên sông đợt tiếng lao xao. Giờ này thành phố chợt bừng lên, em đứng lẻ bóng góc chợ đêm. Nghỉ tôi một điều em không rời, nghỉ tôi một điều em không dám nghĩ. Đến một người đi giữa chiến tranh, lại nghỉ tôi anh, lại nghỉ tôi anh, nghỉ tôi anh.

Chiều trên phá Tam Giang, ánh sáng nhớ em. Nhớ ôi niềm nhớ ôi niềm nhớ đến bất tận. Em ơi! Em ơi! Em ơi!

Tác giả bài thơ 'Chiều trên phá Tam Giang', nhà thơ Tô Thùy Yên, một trong những nhà thơ lớn của miền Nam trước 1975.

Cuối năm 1993 cùng gia đình sang Hoa Kỳ định cư tại Minnesota, theo danh sách H.O.20 do ông bà **Cung Tiến** và Hội Văn Hóa VN bảo trợ. Năm 2002, Tô Thùy Yên và gia đình chuyển về sinh sống ở Houston, Texas cho đến nay.

Theo nguồn tin của gia đình nhà thơ Tô Thùy Yên, *qua con trai của ông là Đinh Kinh Hiệt*, thì Tô Thùy Yên, đã từ trần tại Houston vào lúc 9:15 PM ngày thứ Ba 21 tháng 5-2019, sau một thời gian dưỡng bệnh tại một Rehab Center ở thành phố Houston, Texas. Ông đã lâm vào trạng thái hôn mê từ ngày thứ Bảy 18 tháng 5 vừa qua.

Làm thơ từ năm 16, 17 tuổi, Tô Thùy Yên được ca tụng là một trong “tứ trụ của thi ca miền Nam” cùng với *Bùi Giáng, Thanh Tâm Tuyền, và Nguyễn Đức Sơn*. Năm 1956, cùng với nhà thơ Thanh Tâm Tuyền, nhà văn Mai Thảo và các họa sĩ Duy Thanh, Ngọc Dũng sáng lập một nhóm sáng tác mang tên Sáng Tạo, được biết đến với phong trào khai sinh “Thơ tự do” ở miền Nam vào thập niên 1960.

Trao đổi với VOA-Việt ngữ từ California, nhà báo Đinh Quang Anh Thái nói nhà thơ Tô Thùy Yên đã “để lại một dấu ấn lớn trong sinh hoạt văn học của miền Nam”, ông nhắc tới một số bài thơ đã gây ấn tượng sâu sắc đối với ông.

“Trước năm 1975, chúng ta biết đến bài Trường Sa Hành và bài Chiều trên Phá Tam Giang, nhưng mà sau năm 1975, với 10 năm tù, Tô Thùy Yên lúc ông trở về, bài *Ta về* nức tiếng, trong đó có những câu như:

Ta về khai giải bùa thiêng yếm
Thức dậy đi nào, gỗ đá ơi
Hãy kể lại mười năm chuyện cũ
Một lần kể lại để rồi thôi

Câu ấy chứng tỏ cho thấy rằng ông không còn mang nặng trĩu một tấm lòng thù hận hoặc oán hận một giai đoạn mà ông đã bị cực nhọc như vậy.”

Nhà báo Đinh Quang Anh Thái chia sẻ một kỷ niệm có thể nói lên được con người Tô Thùy Yên:

“Chúng tôi nhớ rằng lúc mà anh em từ Việt Nam phát động phong trào xây dựng nhà cho gia đình các chiến sĩ đã hy sinh trong trận chiến Hoàng Sa năm 1974, nhà thơ Nguyễn Duy ở trong nước, tác giả của bài *Từ xa nhìn tổ quốc* bày tỏ thiết tha muốn mời được Tô Thùy Yên từ hải ngoại trở về, cùng với Nguyễn Duy làm một đêm thơ ở Saigon, đọc *Trường sa hành* và *Ta về* thì có lẽ sẽ thích thú lắm, anh Tô Thùy Yên có nói rằng anh muốn lắm nhưng sức khỏe không cho phép...

Và anh đã chép nguyên văn bài *Ta về* để tặng cho chương trình Nhịp cầu Hoàng Sa.

Bài thơ đó đã được anh em nhóm Nhịp cầu Hoàng Sa ở Việt Nam bán đấu giá để góp tiền xây nhà cho gia đình các chiến sĩ VNCH đã tử trận trong trận chiến Hoàng Sa 1974.

Bây giờ ngồi nhớ lại Tô Thùy Yên thì nhớ lại nụ cười rất hiền của một người miền Nam, nhớ lại điệu thuốc, và nhớ lại 2 câu thơ chót:

“Còn chút rượu nồng xin tưới xuống, Giải oan cho cuộc biển dâu này.”

Ta về

Ta về một bóng trên đường lớn
Thơ chẳng ai đề vạt áo phai
Sao bỗng nghe đau mềm phé phủ
Mười năm đá cũng ngậm ngùi thay

Vĩnh biệt ta-mười-năm chết dấp
Chốn rừng thiêng im tiếng nghìn thu
Mười năm mặt sạm soi khe nước
Ta hóa thân thành vượn cổ sơ

Ta về qua những trũng cùng phá
Nếp trán nhăn đũa ngọn gió may
Ta ngẩn ngơ trông trời đất cũ
Nghe tàn cát bụi thán năm bay

Chỉ có thể. Trời cam đất nín
Đời im lìm đóng vầng xanh xao
Mười năm, thế giới già trông thấy
Đất bạc màu đi, đất bạc màu

Ta về như bóng chim qua trể
Cho vội vàng thêm gió cuối mùa
Ai đứng trông vờ mây nước đỏ
Ngàn năm râu tóc bạc phơ phơ

Một đời được mấy điều mong ước
Núi lở sông bồi đã mấy khi
Lịch sử ngời đi nhiều tiếng động
Mười năm, cổ lục đã ai ghi

Ta về cúi mái đầu sương điếm
Nghe nặng từ tâm lượng đất trời
Cảm ơn hoa đã vì ta nở
Thế giới vui từ nỗi lẻ loi

Tưởng tượng nhà nhà đang mở cửa
Làng ta ngựa đá đã qua sông
Người đi như cá theo con nước
Trống ngũ liên nồn nả gióng mừng

Ta về như lá rơi về cội
Bếp lửa nhân quần ấm tối nay
Chút rượu hồng đây xin rưới xuống
Giải oan cho cuộc biển dâu này

Ta khóc tạ ơn đời máu chảy
Ruột mềm như đá dưới chân ta
Mười năm chớp bể mưa nguồn đỏ
Người thức mong buồn tận cõi xa

Ta về như hạt sương trên cỏ
Kết tụ sầu nhân thế chuyển đời
Bé bỏng cũng thì sinh, dị, diệt
Tội tình chi lắm nữa người ơi

Quán dốc hơi thu lừa nổi nhớ
Mười năm người tỏ mặt nhau đây
Nước non ngàn dặm bèo mây hỡi
Đành uống lừng thối bát nước mòi

Ta về như sợi tơ trời trắng
Chấp chới trôi buồn với nắng hanh
Ai gọi ai đi ngoài cõi vắng
Dừng chân nghe quặn thắt tâm can

Lời thề buổi ấy còn mang nặng
Nên mắc tình đời cõi chẳng ra
Ta nhớ người xa ngoài nổi nhớ
Mười năm ta vẫn cứ là ta

Ta về như tứ thơ xiêu tán
Trong cõi hoang đường trắng lãng quên
Nhà cũ mừng còn nguyên mái, vách
Nhện giăng, khói ám, mối xông nền

Mọi thứ không còn ngăn nắp cũ
Nhà thương-khó quá sống thờ ơ
Giậu nghiêng cổng đổ, thêm um cỏ
Khách cũ không còn, khách mới thưa

Ta về khai giải bùa thiêng yểm
Thức dậy đi nào, gõ đá ơi
Hãy kể lại mười năm chuyện cũ
Một lần kể lại để rồi thôi

Chiều nay ta sẽ đi thơ thẩn
Thăm hỏi từng cây, những nổi nhà
Hoa bưởi, hoa tầm xuân có nở?
Mười năm, cây có nhớ người xa?

Ta về như đứa con phung phá
Khánh kiệt đời trong cuộc biển dâu
Mười năm, con đã già trông thấy
Huống mẹ cha đèn sắp cạn dầu

Con gấm lại đời con thất bát
Hứa trăm điều một chẳng làm nên
Đời qua, lớp lớp tàn hư huyễn
Giọt lệ sương thấm khóc biến thiên

Ta về như tiếng kêu đồng vọng
Rau mác lên bờ đã trở bông
Cho dẫu ngàn năm em vẫn đứng
Chờ anh như biển vẫn chờ sông

Ta gọi thời gian sau cánh cửa

Nỗi mừng giàn giụa mắt ai sâu
Ta nghe như máu ân tình chảy
Tự kiếp xưa nào tưởng lạc nhau

Ta về dẫu phải đi chân đất
Khắp thế gian này để gặp em
Đau khổ riêng gì nơi gió cát
Thềm nhà bụi chuối thức thâu đêm

Cây bưởi xưa còn nhớ, trắng hoa
Đêm chưa khuya quá hỡi trăng tà
Tình xưa như tuổi già không ngủ
Thức trọn, khua từng nỗi xót xa

Ta về như giấc mơ thần bí
Tuổi nhỏ đi tìm một tối vui
Trắng sáng soi hồn ta vết phỏng
Trọn đời nỗi nhớ sáng khôn nguôi

Bé ơi, này những vui buồn cũ
Hãy sống, đương đầu với lãng quên
Con đế vẫn là con đế ấy
Hát rong bờ cỏ giọng thân quen

Ta về như nước Tào Khê chảy
Tình đầu mười năm luống nhạt mờ
Thân thích những ai giờ đã khuất
Cõi đời nghe trống trải hơn xưa

Người chết đưa ta cùng xuống mộ
Đâu còn ai nữa đứng bờ ao
Khóc người ta khóc ta rơi rụng
Tuổi hạc ôi ngày một một hao

Ta về như bóng ma hồn tử
Lục lại thời gian kiếm chính mình
Ta nhạt mà thương từng phế liệu
Như từng hài cốt sắp vô danh

Ngồi đây nền cũ nhà hương hỏa
Đọc lại bài thơ thừa thiếu thời
Ai đó trong hồn ta thổn thức
Vàng trắng còn tiếc cuộc rong chơi

Ta về như hạc vàng thương nhớ
Một thửa trần gian bay lướt qua
Ta tiếc đời ta sao hữu hạn
Đành không trải hết được lòng ta

Phụ đính

Góp nhặt quanh *Phá Tam Giang bây giờ đã cạn*

1956-1975

- Anh là tác giả người miền Nam duy nhất có mặt trong nhóm Sáng Tạo, gồm toàn những văn gốc miền Bắc, xin anh cho biết nguyên do nào dẫn đến một kết hợp có vẻ như là một biệt lệ đó?

– Hồi đó, vào khoảng cuối năm 1954, sau khi có một hai bài thơ đăng trên tuần báo Đồi Mới, tôi thường lui tới với vị chủ biên của tuần báo đó là nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh, người mà tôi rất kính mến. Một số các anh sau này là những tác giả nòng cốt của nhóm Sáng Tạo như Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Trần Thanh Hiệp, Doãn Quốc Sỹ... mới di cư, cũng thường lui tới với ông Nguyễn Đức Quỳnh, và tôi quen với các anh ấy từ đó.

Một hai năm sau, tạp chí Sáng Tạo thành hình và tôi đã gia nhập bằng những bài thơ mà tạp chí sẵn sàng đón nhận. Tôi là đứa trẻ nhất trong nhóm, 17 tuổi, và lại là tên Nam Kỳ duy nhất. Riêng đối với tôi cũng như các anh trong nhóm Sáng Tạo, chẳng ai đặt thành vấn đề phân biệt Bắc Trung Nam, (...) chia xẻ những quan điểm văn nghệ và tài năng cá nhân cùng tình bạn giữa những người trong nhóm với nhau, chớ nhất định không phải là vấn đề địa phương quê quán. Hơn nữa, theo chỗ tôi nhận thấy, mọi người trong nhóm đều phóng khoáng, đặc biệt là Mai Thảo với tư cách chủ biên, hề thấy ai viết được, chơi được là sẵn sàng mở cửa mời vào. Thí dụ trường hợp Quách Thoại, gốc miền Trung. Hẳn nhiên, chúng tôi thỉnh thoảng dùng những chữ Nam Kỳ, Bắc Kỳ với nhau để đùa giỡn chớ hoàn toàn không có chút hàm ý kỳ thị nào cả. Hơn nữa, các anh trong nhóm, hồi đó cũng như sau này, rất lấy làm thích thú vì tôi là một tên Nam Kỳ quốc, với cái tính khí đặc thù của địa phương mà các anh đang cố gắng hội nhập. (Nói chuyện với nhà thơ Tô Thùy Yên - Nguyễn Mạnh An Dân)

Chiều trên Phá Tam Giang

- Một bài thơ rất nổi tiếng của anh, bài *Chiều Trên Phá Tam Giang* chuyên chở cả một cái nhìn đầy tính nhân bản, đầy tình tự dân tộc, vượt lên trên những đối nghịch vô cùng bi thảm của những chủ thuyết giáo điều, v.v... Anh nghĩ sao về nhận xét này? Anh gửi gắm điều gì trong bài thơ đó? Và bây giờ, sau bao nhiêu năm dâu bể, nếu viết lại *Chiều Trên Phá Tam Giang*, anh có còn giữ cái nhìn đó về cuộc chiến đã qua không

- Một tác giả tự trọng không bao giờ nên giải thích thêm nữa về tác phẩm của mình. Yếu tính của nghệ thuật là tự nó nói lên, đúng hơn là gợi lên, bằng những phương tiện đặc thù của mỗi tác phẩm những gì mà người nghệ sĩ muốn truyền đạt. Chung cho tất cả những bài thơ khác của tôi, chớ chẳng riêng gì với bài *Chiều Trên Phá Tam Giang*, tôi xin phép không phải làm một việc vô ích nữa là phụ chú.

Tôi liên tưởng đến một kỷ niệm đặc biệt với Thanh Tâm Tuyền. Hồi đó, khoảng bắt đầu thập niên 90, anh đang thu xếp chờ ngày đi Mỹ, và trong một lần đến chơi với tôi, anh ngồi ngó mông ra ngõ trước nhà tôi một lúc lâu và buột miệng nói đất nước này rồi sẽ phải trải qua những biến động lịch sử tan tác kinh hồn chẳng thể cảnh tránh được, tôi ra đi xa lánh, anh còn ở lại, anh hoặc là ai đó sẽ phải viết một bài thơ mà chất liệu là núi xương sông máu, là hằng triệu cái xác chết.

Lúc đó, tôi lặng thinh nhìn anh và thấy lại trước mắt không phải một Thanh Tâm Tuyền đã bắt đầu già chậm từ cử chỉ đến lời nói mà là một Thanh Tâm Tuyền nhiệt tình...
(Nói chuyện với nhà thơ Tô Thùy Yên - Nguyễn Mạnh An Dân)

Cùng mê sa một con đĩ thập thành

(NTC) – Bài thơ “Chiều Trên Phá Tam Giang”, một trong những bài thơ điển hình nhất của anh, đã không thể đăng trên báo Văn năm 1972 vì qua lời nhà văn Mai Thảo nói lại với nhà thơ Viên Linh thì chủ nhiệm Nguyễn Đình Vượng sợ báo Văn bị lôi thôi với cơ quan kiểm duyệt và có thể bị đóng cửa.

(TTY) - Lúc đó, Viên Linh, chủ bút tạp chí Thời Tập, liên lạc với tôi và do đó bài này đăng trên tờ Thời Tập. Hẳn nhiên, sự lo ngại của chủ nhiệm Nguyễn Đình Vượng là có căn cứ. Tình trạng chính trị lúc bấy giờ chắc chắn không dung thứ những câu:

Người cùng ta ai thật sự hy sinh
Cho tổ quốc Việt Nam – một tổ quốc ...
Nên cả hai cùng cam phận quay cuồng,
Nên cả hai cùng mắc đường lịch sử,

Cùng mê sa một con đĩ thập thành

(Nói chuyện với nhà thơ Tô Thùy Yên - Nguyễn Tà Cúc)

Mùa hè đỏ lửa 72

Lần đầu tại đám cưới thứ nam của nhà thơ Nguyễn Xuân Thiệp, có đông đúc văn nghệ sĩ về tham dự. Vừa tiệc đám cưới lại xem như cuộc họp mặt các văn nghệ sĩ bay về, tôi đang dẫn chương trình có ai đẩy đến đề nghị bên dưới nghe có nhà thơ Tô Thùy Yên hiện diện, hãy mời ông lên nói vài điều cho mọi người biết mặt. Ông lên sân khấu theo lời mời. Nhưng nói rất ít, tôi còn nhớ vậy. Giữa buổi tiệc, tôi hỏi ông, "Anh kể về bài thơ Chiều trên Phá Tam Giang đã viết như thế nào?". Như nhiều bài thơ khác của ông, đúng hơn là những trường thi hàng trăm câu của ông, "Chiều trên Phá Tam Giang" là một trong những trường thi mang tầm vóc lớn lao về cuộc chiến khốc liệt trên quê hương Việt Nam. Ông cất vắn lịch sử và chiến tranh bằng cái nhìn nhân bản trong tình dân tộc, lồng thêm thân phận con người và tình yêu tuổi trẻ giữa chiến tranh.

Ông kể đó là một ngày của *mùa Hè đỏ lửa năm 1972*, ông bay theo tướng Bùi Thế Lân, vị tư lệnh Thủy quân lục chiến để thị sát chiến trường, trong vai trò một ký giả báo chí. Từ trực thăng nhìn xuống phá Tam Giang, hình ảnh *một vị thiếu tá đứng giữa gió lộng, mênh mông nước trời phía dưới* đã tạo cho ông một cảm xúc mãnh liệt về thân phận nhỏ bé của con người trong chiến tranh, trong không gian điêu tàn của vòng vây tử thần. Thế rồi bài thơ ra đời. Tôi đọc lại, quả thật là vậy.

Chiếc trực thăng bay là mặt nước,
Như cơn mòng nhanh,
Phá Tam Giang, Phá Tam Giang,
Bờ bãi hỗn mang, dòng bát ngát,
Cát hôn mê, nước miệt mài trôi,
Ngó xuống cảm thương người lữ bước
Trời nước mông mênh, thân nhỏ nhoi...

Ông tiếp, ông muốn viết bài trường thi làm ba phần, về người lính Việt Nam Cộng Hòa,

về người chiến binh Bắc Việt và sự cứu rỗi của tình yêu trước sự mong manh của phận người trong thời chiến. Thế là bài thơ ra đời như chúng ta đã đọc. Là người lính, một thiếu tá tâm lý chiến, nhưng cũng là người nghệ sĩ, ông nhìn cuộc chiến đang diễn ra như một cuộc chiến ủy nhiệm huynh đệ tương tàn mà cả hai bên đều là nạn nhân của lịch sử. Cái nhìn độ lượng đến cả kẻ địch quân bị dẫn dụ chuyện "sinh Bắc tử Nam". (Tô Thùy Yên, cánh chim còn để vết – Đinh Yên Thảo)

Tô Thùy Yên dưới mắt cậu bé chín tuổi ở miền Bắc

Năm tôi chín tuổi, đất nước thống nhất. Lớn lên, tôi yêu miền Nam nhưng cũng nhớ thương miền Bắc. Lại. Người ta có thể nào nhớ một điều mà mình không biết? Có thể lắm, một buổi trưa hè, đuổi theo một con chim chào mào mũ đỏ, tôi lạc vào kho lúa nhà bà ngoại tôi. (...) Ngồi im nín thờ, chân tôi chạm vào một cuốn sách giữa những hạt lúa hăng hắc nồng nồng. Cuốn sách có tựa *Anh phải sống*, bìa trắng, đề tên tác giả: Khái Hưng và Nhất Linh, trong *Tự Lực Văn Đoàn*, nhà xuất bản Phương Giang. Sách cũ, giấy vàng, đầy kín chữ, nhiều truyện ngắn. Tò mò, tôi lật qua vài trang đọc thử. Thời đó, tôi còn mê truyện tranh và các thú vui trẻ con như bắt chim, đá banh, cời trường tắm sông, bắn ná cao su, kéo bím tóc con gái. Cuốn sách tôi cầm trên tay chẳng có hình ảnh ấy nào cả, hiền từ, nghiêm nghị. Tôi đọc thử vài trang. Đọc thêm. Rồi không buông ra được nữa, quên cả con chim chào mào đã bay mất.

Sau mùa hè đó, tôi tìm đọc nhiều sách khác nữa. Sau này nhìn lại, tôi thấy sự *giữ gìn và kế tục văn chương* trong thời buổi chiến tranh, không thay thế nó bằng một nền văn học nào khác: Ví dụ một nền văn học phục vụ chế độ đương thời, thật là điều đáng tiếc. Tôi đọc loạn xạ. Một thế hệ văn học miền Nam xuất hiện những nhà văn như Võ Phiến, Mai Thảo, Vũ Khắc Khoan, những nhà thơ như Nguyễn Bắc Sơn, Tô Thùy Yên lớp trước, có thể gọi là thế hệ thứ hai, mang tâm trạng bất an của *thời đại chiến tranh* (Nguyễn Đức Tùng)

Mùa hè đỏ lửa năm 1972 trên Đại lộ kinh hoàng...

Lớn lên, theo bố mẹ vào Nam, qua những đoạn đường ở Quảng Trị...Tôi gặp lại trên Đại lộ kinh hoàng của Mùa hè đỏ lửa năm 1972 năm nào, cái năm tôi mới sáu tuổi. Nay tôi đã gặp lại hình ảnh những người lính của miền Nam, Thế Uyên, Y Uyên, Trần Hoài Thư và nhiều người khác đã ghi lại trong thơ họ một thời binh lửa.

Chúng ta hãy cùng đọc thử Tô Thùy Yên.

Đò nghẹn đoàn quân xa tiếp viện

Mưa lâu trời mốc buồn hơi xưa

Con đường đáo nhậm xa như nhớ

Chiều mập mờ, xiêu lạc đáng cò

(Qua sông)

Tô Thùy Yên là một trong những nhà thơ đứng ở cánh cửa cuối cùng của con đường thơ miền Nam, con đường khởi đi từ Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, mặc dù Tô Thùy Yên làm thơ từ sớm. Những bài thơ đầu để lộ ý thức *làm mới ngôn ngữ*, chúng được viết ở thể tự do; càng về sau ông càng *làm thơ có vần nhiều hơn*. Trong mảnh đất hẹp của *thể thơ cổ điển*, Tô Thùy Yên đã nâng nghệ thuật ngôn ngữ Việt lên đến mức tinh vi. Tôi chưa thấy một nhà thơ nào có cách dùng chữ đầy dụng công như ông.

Tôi nghĩ: một nhà thơ khi đứng trước những bi tráng lịch sử, những sự kiện khốc liệt, khi đối diện với nỗi xúc động bàng hoàng, *thường trở về với thể thơ cổ điển*, chọn lựa cách nói giản dị và thuận tiện, bỏ qua những bận tâm vốn có của anh ta về ngôn ngữ. Điều đó đúng với Tô Thùy Yên mà cũng đúng với nhiều nhà thơ khác.
(Nguyễn Đức Tùng)

Cánh đồng con ngựa chuyển tàu

Tôi xin kể một giai thoại, mùa xuân 1986, tôi hân hạnh được hội kiến Thanh Tâm Tuyền trong một quán cà phê ở Đa Kao, Sài Gòn. Lúc ấy tôi là một nhà thơ chui, còn Thanh Tâm Tuyền là thi sĩ đầu đàn vừa là một trong những vị khai sáng văn học hiện đại ở Việt Nam. (Ông cổ xúy thơ văn tiên phong avant-garde.) Lúc ấy, ông vừa được trả tự do sau nhiều năm học tập cải tạo trong khi Tô Thùy Yên còn bị tù giam ngoài Bắc. Cũng khá trớ trêu, phần lớn các tên tuổi Sáng Tạo đều trải qua các trại tù cải tạo; vài người trốn thoát thì lưu lạc xứ người như Mai Thảo...

Trong cuộc nói chuyện và đôi lần gặp mặt sau đó, Thanh Tâm Tuyền đã nhắc đến Tô Thùy Yên với nhiều cảm tình và quý mến, đặc biệt đối với sự tu luyện về ngôn từ và nghệ thuật của nhà thơ chúng ta. Năm 17 tuổi, nhà thơ sáng tác bài *Cánh Đồng Con Ngựa Chuyển Tàu* :

Tàu chạy mau tàu chạy rất mau
Ngựa rượt tàu rượt tàu rượt tàu...

Tàu chạy mau càng mau càng mau
Ngựa ngã lăn mình rượt như cỏ
Chấm giữa nền nhung một vết nâu

Bài thơ bộc lộ tài năng trẻ tuổi - một Rimbaud của Sài Gòn - với nỗi ám ảnh rất Nietzsche luôn luôn vươn lên đỉnh cao bất chấp mọi gian truân. Theo tôi, hình tượng con ngựa chạy đua với chiếc tàu chính là thi nhân đuổi theo Sáng Tạo, hoặc lịch sử và định mệnh. Nhưng bài thơ đồng thời cũng mang một linh cảm - hai mươi lăm năm sau, không phải thần mã Pegasus rượt đuổi Sáng Tạo mà là người lính bại trận giữa các đồng hành tù tội trên chuyến tàu phóng về các trại lao cải tằm tối.
(Đôi lời về nhà thơ Tô Thùy Yên - Chân Phương)

Hồn thơ Đông phương

Tô Thùy Yên nhà thơ lớn trên thi đàn Việt Nam, dĩ nhiên đã có nhiều người đề cập. Tuy không thích “tính lãng quăng” của ông (*chữ của Mai Thảo*) nhưng một số thơ của ông là chứng nhân cho giai đoạn lịch sử. Quan niệm “văn dĩ tải đạo” của Tống Nho và Chu Đôn Di không phù hợp với một số tác giả. Với thơ vắn (7 chữ & 8 chữ) của Tô Thùy Yên rất tuyệt vì mang âm hưởng của hồn thơ Đông Phương.

Vẫn theo Phan Lạc Phúc: “Vào khoảng giữa thập niên 60 có một việc, nhỏ thôi nhưng đã làm thay đổi Tô Thùy Yên. Anh bắt đầu đọc Đường Thi. Yên là một người ưa thích sự toàn hảo (gout du parfait). Anh không bằng lòng với những bản dịch. Yên muốn đọc thơ Đường bằng nguyên tác và Tô Thùy Yên học chữ Nho. “Học cho vui, chơi vậy mà”. Xuống Gò Vấp, thấy Tô Thùy Yên viết chữ Nho rất đẹp. Và đột nhiên tôi được đọc một số bài thơ mang phong cách nhất nguyên của Đông Phương. Đọc thơ trước đây của

Yên người ta thấy phảng phất St J. Perse hoặc Valery – bây giờ thấy Tô Thùy Yên “Quy khứ lai từ” như Đào Tiềm quay về nơi bản trạch”.

Thơ vắn của Tô Thùy Yên không bị gò bó trong niêm luật, rất thoáng nên khi đọc cảm nhận được âm điệu song hành giữa ngôn ngữ và ý thơ.
(Bạn bè gần xa - Phan Lạc Phúc)

Tên Đỗ Phủ là thằng nào?

Năm đó, Trung Quốc bắt thần mở mặt trận ồ ạt tấn công vào 8 tỉnh miền Bắc nước ta. Nửa khuya, Công an Cộng sản Việt Nam lừa tất cả những người tù đày của chế độ miền Nam từ những vùng thượng du và trung du lên những chiếc xe đò khẩn cấp trưng dụng, chạy bán mạng về vùng Thanh Nghệ Tĩnh, tức Liên Khu Tư cũ, đất ẩn trú một thời của những Nguyễn Đức Quỳnh, Đào Duy Anh, Hữu Loan, Phạm Duy và ban hợp ca Thăng Long, của những ngày toàn dân kháng chiến chống Pháp cũ.

Tại Thanh Chương, trại 6 ở Nghệ Tĩnh, ẩn khuất trong Trường Sơn, tôi gặp lại người bạn vong niên là nhà thơ lão thành Hà Thượng Nhân, giữa đông đảo những bằng hữu thất tán khác. Trong một lần trò chuyện, nhà thơ Hà Thượng Nhân ngỡ ý khát khao được đọc thơ. Tôi hoàn toàn thông hiểu nỗi khát khao đó của Hà tiền bối.

Bởi tôi cũng hằng khát khao ngày đêm như vậy. Nên một hôm, tôi nỗ lực vận dụng trí nhớ đã nhiều hao kiệt của mình ghi lại toàn bộ một kiệt tác khá dài của thi hào Đỗ Phủ. Đó là bài *Đồng Cốc Huyện Chung Cư Thất Ca*, gồm bảy khúc ca viết theo lối cổ phong, trong đó *thi hào mô tả thời thế loạn ly, người phải rời bỏ quê nhà, thất lạc vô âm tín* đăm em trai, em gái, nay lê tấm thân tàn bệnh tật, đói kém nơi chướng khí sơn lam, chỉ còn *trò chuyện cùng con rắn lớn nơi đầm hoang*.

Bài thơ đó, tôi ghi lại hoàn toàn bằng Hán tự. Cụ Hà đọc lại bài thơ đó, xúc động, cố gắng chuyển dịch thành thơ Việt để cho nhiều bạn khác không am tường chữ Hán cùng được thưởng thức. Rủi ro cho cụ là có một tên chỉ điểm nào đó đi thóc mách, đồ đạc của cụ bị lục soát, bài thơ tang chứng bị tịch thu nên cụ bị Ban An Ninh trại liên tiếp mấy ngày gọi lên làm việc.

Theo quan điểm của trại, rõ ràng là *tên Đỗ Phủ này* hoàn toàn không chịu an tâm phần khởi cải tạo, oán thán chính sách, bôi bác chế độ, *tên Đỗ Phủ này* quả là một tên phản động bẩm sinh, cho đến thời điểm ồ ạt của ba dòng thác cách mạng thế giới toàn thắng mà vẫn còn ngoan cố chưa chịu giác ngộ, hối cải.

Cán bộ lãnh đạo yêu cầu cụ Hà phải thành khẩn khai báo *tên Đỗ Phủ là bí danh của ai*, thuộc đội nào, lán nào, liên hệ như thế nào với cụ. Mãi sau này nhớ lại câu chuyện đó, tôi vẫn còn thử nghĩ nếu ở vào trường hợp của cụ Hà, tôi sẽ phải trả lời như thế nào để hương hồn của thi hào Đỗ Phủ khỏi tủi hổ. Có thể tôi sẽ trả lời: Đỗ Phủ là danh hiệu của một con người xứng đáng, ông hiện diện ở mọi đội, mọi lán, một nơi chốn của nhân loại lầm than, ông là người rất đỗi thân thiết của một số khá đông chúng tôi.

(Tâm thức khuất dạng của thơ – Tô Thùy Yên)

Vất nát óc cùng kiệt cho một bài thơ

Một lần nói chuyện với nhà văn Nguyễn Thị Thụy Vũ, bà cho biết ông làm thơ như cực hình không có gì là sung sướng cả! Ông nghiêng hẳn về tứ và ngôn ngữ! Đè nén cảm

xúc trong các hình tượng mẫu tự nghiêm ngặt. Vì thế ông chọn thể thức *thơ cổ phong*, tứ tuyệt hoặc 5 chữ, 7 chữ. Ông *đọc và tìm hiểu điển tích* rất nhiều.

Bà Thụy Vũ cho biết ông thường "*vắt nát óc*" *cùng kiệt cho một bài thơ*. Ông chép đi chép lại một bài thơ và thường vò xé bản thảo viết lại từ đầu nếu thấy câu chữ dó chưa thật đất, chưa thật ửng ý. "Vì thế mỗi đêm ông làm thơ thì sáng dậy tôi thường phải đem một sọt rác đi đổ vì trong đó đầy ngập những trang viết chưa ửng ý của ông".

(Tô Thùy Yên Thân phận lưu vong quay cuồng nhớ Sài Gòn
tác giả Nguyễn Hữu Hồng Minh – xem tr 44)

Những người đã một lần khuất dạng trong ta

Thơ, một cách mãnh liệt, đã trở thành sự sống không thể bị hủy diệt của cái ý niệm đó. *Thơ còn, con người còn*. Tự bản thân, tôi vẫn quan niệm rằng thơ cũng y như mọi thứ khác trên đời phải có những cấp độ cao thấp, lớn nhỏ của nó. Có những thơ ở cấp độ thấp nhất là thơ giải oan, giải thoát. Chắc chắn không cần phải nói thêm, chúng ta đều thấy hiểu rằng trong hoàn cảnh lúc đó của chúng tôi, chúng tôi đã nhận chân ra cấp độ cao nhất của thơ.

Lúc đó, thơ đã trở thành một thế giới bất khả xâm phạm, bất khả hủy diệt để con người chúng tôi được nuôi dưỡng tồn tại. Đó là một thế giới vô hình nhưng có thật, thật như một thế giới hữu hình nào. Cảm ơn ngôn ngữ của loài người, cảm ơn thơ của loài người. Thế giới của chúng ta không chỉ hẳn là một thế giới có mặt của những con người thân quen, từng gặp gỡ ngoài đời, mà còn là một thế giới có mặt những con người chưa từng gặp gỡ ngoài đời nhưng rất đỗi quen thân. Chắc chắn trong thế giới của chúng ta vẫn hăng lui tới hình bóng của một Khuất Nguyên tiều tụy lang thang bên dòng sông Mịch La, một Lý Bạch tiêu sái nơi một quán rượu của Hàng Châu, một Holderlin quần quai trong thư phòng khuya khoắt ở Horburg, một Nguyễn Du nẻo trở lại Thăng Long trong một ngày đông rét mướt, một Nguyễn Gia Thiều héo hắt ngồi bất động nơi Hồ Tây, một Nguyễn Trãi đạt ngộ giữa vùng cây cỏ Côn Sơn ... Những con người đó đã một lần đi khuất dạng trong ta...

Cảm ơn những con người đó đã đến trong thế giới riêng tư của chúng ta, ở lại đó, bầu bạn thắm thiết cùng chúng ta để chúng ta được đỡ xót xa thương lấy mình hơn nữa, để con người chúng ta còn được tồn vinh xứng đáng.
(Tâm thức khuất dạng của thơ – Tô Thùy Yên)

1975-1993

Tô Thùy Yên 7 tháng liền biệt giam tâm sự với *đàn muỗi râm ran, con thằn lằn uể oải, lũ dán hôi tanh, con nhện vô tư và bức tường câm nín*:

Ta nhìn theo

Mấy con thằn lằn uể oải

Lũ dán lào xào

Con nhện bỏ trống lưới giăng

Ta nhìn lên những giò chữ trên tường

Người làm thơ lưu đầy được lịch sử tha, một sớm trở về quê cũ. Đây là giấc mơ của người tù biệt xứ hay là câu chuyện sẽ phải xảy ra. Chưa biết được nhưng ít khi đọc xong một bài thơ mà tâm hồn con người được vỗ về như thế:

Nhóm lên bếp lửa đêm trừ tịch
Hát với nhau vài điệu hát vui
Nâng chén uống mừng ta sống sót
Chợt nghe nồng lệ tự đâu rơi

Đạo đầu *năm 85 được về*, trên con đường bê bạn tôi rẽ vô thăm nhà bạn Tô Thùy Yên. Từ Hóc Môn lên, qua chợ Gò Vấp tới một cái cầu có ống dẫn nước lớn đen to nằm dài trên đó giống như một con rồng đất rồi tới một ngã ba có những viên sỏi đỏ sậm của đá ong khô, đó là lối vào nhà Tô Thùy Yên. Từ thập niên 60 tôi đã nhiều lần đến đây bù khú với bạn. Nhưng bây giờ về, đến thăm cảnh cũ người xưa, thấy lạ. Những bụi cúc tần xanh tốt dẫn lối hai bên đường, đôi khi có những sợi tơ hồng vàng óng, vương vất bên trên...không còn nữa. Nhà cũ của Tô Thùy Yên có cây vú sữa lớn. Khu gia viên nằm trong vùng cây lá thâm u...bây giờ không thấy cây vú sữa đâu. Bất giác tôi nhớ Nguyễn Gia Thiều “Phong trần đến cả sơn khê, Tang thương đến cả hoa kia cỏ này”.

Hơn 10 năm gặp lại bạn...thấy bạn già đi (tất nhiên rồi) mà chắc bạn thấy tôi cũng vậy. Hình như bạn có khuyết một vài cái răng thì phải, cái cười hơi trống vắng. Nhưng khoe mắt vẫn còn nồng ấm và bắt tay thật chặt.
(Bạ bè gần xa - Phan Lạc Phúc)

Tô Thùy Yên bị bao nhiêu lần tù?

Sau tháng 4 năm 1975, Tô Thùy Yên bị *2 lần tù*, tổng cộng *gần 13 năm*. Cuối năm 1990, ngày thứ sáu 13 tháng 10. Ngày xấu “đi chơi cũng thiệt lộ là đi đâu”. Tôi quanh quẩn ở trong nhà. Chợt có tiếng xe Honda thắng xiết trước chiếc cầu nhỏ, bắc qua con lạch vào căn nhà Hóc Môn của tôi. Nhìn ra thấy H. con trai Tô Thùy Yên đang hấp tấp dắt xe vào. Tôi chạy ra, thấy vẻ hốt hoảng của H. nên vội hỏi “Có chuyện gì vậy cháu? – “Bố cháu vừa bị bắt rồi” – H. thẳng thốt nói tiếp: “Trước khi lên xe công an, bố cháu nói nhỏ: đi báo các bác nên cháu vội chạy lên đây”. Nhà tôi bảo H. ở lại ăn cơm cái đã nhưng H. nhất định ra về: “Để cháu phải đi ngay cho kịp vài nơi nữa...”.
(Bạ bè gần xa - Phan Lạc Phúc)

&&&

Cựu Thiếu tá Đinh Thành Tiên bị tù cải tạo *tổng cộng 3 lần hơn 13 năm*. Sau 30.4.1975 bị tù cải tại diện sĩ quan và còn thêm *2 lần tù nữa*. (xem tr 3 – theo bà Huỳnh Diệu Bích vợ chính thức của ông: anh bị tù cộng sản *hai lần, một lần 10 năm và một lần 3 năm*)

Lần vượt biên bất thành tại Cần Giờ bị công an bắn tàu chìm và chặn bắt, anh *cắt mạch máu tay tự tử*, nằm bất tỉnh ở bãi cửa sông sát biển, công an đi qua lại xác của nhiều người chết và Tiên oằn oại trên vũng máu thoi thóp mà công an bỏ mặc không cứu.

May mắn đến với anh, một toán y tế của Cần Giờ được lệnh đến gom tử thi kể cả người bị thương, trong toán này có Y sĩ Nguyễn Minh Sơn (cháu vợ tôi) mới thuyên chuyển về đây, cháu băng bó và cầm máu cho anh, trong lúc công an bảo Sơn cứ để mặc cho nó chết vì nó muốn chết, tự tử... May mắn nữa, Tiên hồi tỉnh, cháu Sơn hỏi chú là lính QLVNCH? Tiên gật đầu, cháu Sơn hỏi tiếp chú làm việc ở Sài Gòn có biết Thiếu Tá N

không (tác giả Trần Văn Ngà), Tiên nói là bạn... cháu Sơn tìm mọi cách phải cứu cấp cho Tiên. Sau một tuần, cháu Sơn cho tôi biết tin Tô Thùy Yên bị bắt ở Cần Giò.
(Tác giả Chiều trên Phá Tam Giang từ trần – Trần Văn Ngà)

Tô Thùy Yên đi tù lần thứ hai vì bài thơ *Ta về*

Ngày 1-5-2017 sau buổi đọc thơ tưởng niệm 30-4 ở Đại học Yale, chung với Phan Nhiên Hạo và Tô Thùy Yên, thi sĩ Đinh Linh ghi lại cuộc gặp gỡ, nghe ông kể ít nhiều về cuộc đời đã trải qua.

Sau 10 năm học tập cải tạo, được thả tưởng chừng đã xong hết nợ oán thù. Tô Thùy Yên tiếp tục làm thơ (*Ta về* - năm 1985), không ghi tên (ký tên: Ân danh – xem tr 41), nhờ người quen đem một bài thơ ra nước ngoài cho bạn bè thân quen đọc. Không ngờ bài thơ được công khai trong những phê bình văn học tại hải ngoại. An ninh trong nước biết, bắt ông giam tù *thêm 3 năm* nữa.

Đinh Linh ghi lại sự kiện về nhà thơ khi ông làm sĩ quan chiến tranh chính trị đã thẩm vấn những cán bộ cộng sản bị giam trong một nhà tù gần sông Sài Gòn. Sau tháng Tư năm 1975, cũng trong nhà giam đó, những cán bộ cộng sản lại là người đóng vai thẩm vấn thi sĩ. “Lịch sử chỉ là những con người thay đổi lớp áo”, Tô Thùy Yên lập lại một câu nói quen liên quan đến lịch sử.

(Nhớ Tô Thùy Yên và “Chiều trên phá Tam Giang” - Bùi Văn Phú)

&&&

Mấy câu thơ sau ông viết năm 1979, khi bị giam trong trại tù cải tạo ở miền Bắc:

Ở đây, địa ngục chín tầng sâu
Cả giống nòi căm lạng gục đầu
Cắn chết hàm răng, ứa máu mắt
Chung xiềng nhưng chẳng dám nhìn nhau...

Bài thơ được xem như sáng tác đầu tay của ông, viết *năm 1956*, có những câu:

Trên cánh đồng hoang thuần một màu
Trên cánh đồng hoang dài đến đỗi
Tàu chạy mau mà qua rất lâu
Tàu chạy mau, tàu chạy rất mau
Ngựa rượt tàu, rượt tàu, rượt tàu
Cỏ cây cỏ cây lúi chổng mặt
Gò nòng cao rồi thung lũng sâu
Ngựa thở hào hển, thở hào hển
Tàu chạy mau, vẫn mau, vẫn mau...

Đó là thời gian của tạp chí “Sáng Tạo”, trong đó Tô Thùy Yên, Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo là những thi sĩ, nhà văn cột trụ có công khai sinh ra nền văn học miền Nam.

Sau khi được thả khỏi trại học tập cải tạo, Tô Thùy Yên viết “Ta về”, với 126 câu, được giới phê bình văn học nhận định là một bài thơ tiêu biểu cho giai đoạn khốn cực của đất nước, với *khoảng thời gian 10 năm ông bị đọa đày*, nhưng lời thơ phản ánh nét thâm trầm nhìn đời, không oán hận những oan khiên đã đổ xuống đời và trong đó thi sĩ đã gửi lại một tấm lòng hoà giải.

(Nhớ Tô Thùy Yên và “Chiều trên phá Tam Giang” - Bùi Văn Phú)

Ta về

(NTC) – Bài “Ta về” được chuyển ra ngoại quốc khi anh còn ở Việt Nam. Thay vì tên tác giả là hai chữ **Ẩn danh**. Bài thơ này gây xúc động sâu xa. Có bao giờ làm thơ, anh nghĩ đến phản ứng của độc giả, nhất là trong tình cảnh mà anh làm bài “Ta về”?

(TTY) – Có đôi khi, tôi cũng thử viễn kiến phản ứng của một vài độc giả mà tôi quen biết, đối với một bài thơ nào đó của tôi. Nhưng thường thì không, nhất là khi đang còn làm bài thơ đó. Bởi lẽ *tôi làm thơ trước hết là vì tôi, cho tôi, đơn giản là như vậy*. Sau khi làm xong, nếu không vút vào sọt rác, *để một thời gian có khi lâu vài năm*, cảm thấy thích cho đăng thì liệu báo nào chịu đăng thì gửi đăng, vậy thôi. Chớ tôi chẳng bao giờ tự đặt trước cho mình một trách nhiệm, một sứ mạng văn học nghệ thuật nào cả.

Tôi rất sợ những nhận định, cương lĩnh, tuyên ngôn văn học nghệ thuật này nọ. Những thứ đó quả là *quá to tát với tạng người của tôi*. Tất nhiên, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những bài thơ đã cho đăng của tôi, một trách nhiệm, xét cho cùng, cũng chỉ là một trách nhiệm hữu hạn. Hơn nữa, như đã nói, tôi cũng không quan tâm mấy đến duyên phận của những bài thơ tôi. Dù rằng *mỗi bài thơ, như mỗi cuộc đời, đều có số phận riêng biệt của nó*, hoàn toàn ở ngoài tầm lường đoán của chính tác giả.

Riêng bài “Ta về”, khi làm xong, tôi chỉ có chép ra *một hai bản cho một hai người bạn* của tôi, và trong hoàn cảnh của chúng tôi lúc bấy giờ, dưới những bài viết chuyện cho nhau xem chơi, *không ai đề tên tác giả cả*. Và tự tôi đã chẳng hề gửi nó ra ngoài. Cho đến bây giờ, tôi cũng chưa biết nó đã lọt ra ngoài qua ai và bằng cách nào nữa. (Nói chuyện với nhà thơ Tô Thùy Yên - Nguyễn Tà Cúc)

1993-2019

Cuối năm 1993, Tô Thùy Yên cùng bà Huỳnh Diệu Bích sang Hoa Kỳ ban đầu đến Saint Paul tại Minnesota, theo diện cựu tù nhân chính trị (H.O.20) do ông bà Cung Tiến bảo trợ. Khoảng năm 1965, ông lập gia đình với bà vợ chính thức là bà Bích khoảng năm 1964 (xem tr 3), bà là giáo sư trường nữ trung học Lê Văn Duyệt. Tuy nhiên có một thời gian ông sống chung với nhà văn Nguyễn Thị Thụy Vũ mà Mai Thảo nói ông “tính lãng quăng” (1). (ông được Thanh Tâm Tuyền gọi là “ông Tiên” vì tên thật ông là Đinh Thành Tiên. Ngoài ra có tác giả gọi là ông là “hành giả” vì trong thơ ông “vừa có cốt cách cổ xưa vừa mang hình ảnh rất hiện đại trong ngôn ngữ hình ảnh – xem tr 10).

Về nhà văn Nguyễn Thị Thụy Vũ, theo người viết Đoàn Dự đến Lộc Ninh làm phóng sự: “Tất cả sự sống gia đình đều trông mong vào vị “tu sĩ Phật giáo” truyền lại cho mẹ và mỗi tháng 100 đô-la do cháu Đinh Quỳnh Giao ở bên Mỹ, con gái của anh chị Tô Thùy Yên gửi về giúp đỡ. Cháu Đinh Quỳnh Giao rất thương đứa em cùng cha khác mẹ tên Nguyễn Khôi Thụy đang nằm liệt giường. Mỗi tháng cứ đến khoảng 27, 28 là cháu gửi \$100 về cho em. Ở cái xứ Lộc Ninh nghèo nàn ấy, nếu mỗi tháng không có \$100 của người chị, con gái anh Tô Thùy Yên gửi về giúp đỡ, thì không biết cái gia đình của nhà văn nữ đã một thời nổi tiếng Nguyễn Thị Thụy Vũ, người đã từng đoạt giải Văn học toàn quốc năm 1971 sẽ sống ra sao. Bây Nguyễn Thị Thụy Vũ chỉ có Ý Nhi”. (Đôi nét về nhà văn Nguyễn Thị Thụy Vũ - Đoàn Dự ghi chép).

Năm 2002, gia đình ông chuyển về Houston, Texas. Ông không in thơ nhiều, đến cuối đời, nhà thơ Tô Thùy Yên chỉ có *Thơ tuyển* (tự xuất bản, Minnesota, Hoa Kỳ, 1995) và *Thấp Tọa* (An Tiêm, Houston, Hoa Kỳ, 2004) trong tủ sách người yêu thi ca.

&&&

PNH: *Anh đang sống ra sao, đang viết gì hay có ý định viết gì?*

TTY: Tôi hiện sống một mình trong một khu chung cư do chính phủ Mỹ tài trợ, lảng giềng chủ yếu là người da đen và tôi gần như chẳng giao tiếp với bên ngoài vượt quá mức tối thiểu đòi hỏi của xã hội. Về vật chất, tôi tự bằng lòng với những căn bản mà một con người có thể nhờ vào đó mà tạm sống còn trong xã hội Mỹ. Về tinh thần, tôi đang suy nghiệm, qua bản thân khi đối diện với tuổi già trong cô quạnh, về một câu nói của E. M. Cioran mà tôi đã tình cờ đọc thấy: “Đêm tối chảy trong huyết quản tôi”.
(Thi sĩ, kẻ nhuộm bệnh thời khí trước tiên và khỏi bệnh sau cùng - Phan Nhiên Hạo)

Tô Thùy Yên về Hà Nội?

Tô Thùy Yên là một trong số các nhà văn hải ngoại *vừa nhận được lời mời về nước* tham dự “một cuộc gặp mặt nhẹ nhàng và ấm áp” với các nhà văn trong nước dự định tổ chức vào hạ tuần tháng 10 tại Hà Nội. (1)
(Tô Thùy Yên: Thức cho xong bài thơ - Ý Nhi)

&&&

(1) Để bổ túc cho đầy đủ hơn vì có hai, ba đoạn văn viết ông được mời về *Hà Nội* hay *Sài Gòn* (xem tr 41 & tr 42), bởi viết ngắn gọn nên không rõ thời gian tính: “...Năm 1993 (2), tôi (Ý Nhi) đã được nghe *Trường Sa hành, Chiều trên phá Tam Giang*...trước khi gặp Tô Thùy Yên. Vì vậy, có phần bất ngờ khi đối diện với tôi, con người từng mộng du trên trái đất tròn, từng chạy cắm đầu trên sợi kinh hoàng/giăng qua đôi bờ vực lạnh hư vô, con người từng hỏi han hiu quạnh lớn, từng bay trên phá Tam Giang với những suy nghĩ ở một tầng cao đáng kinh ngạc về cuộc chiến tàn khốc đang diễn ra, lại là một người đàn ông tầm thước, lịch duyệt, từ tốn. Bất ngờ khác, ông gần như không có sự ngại ngùng khi trò chuyện với tôi - *một nhà thơ từ Hà Nội vào*.

Ông thường ghé qua nơi tôi làm việc- Chi nhánh Nhà xuất bản Hội nhà văn tại thành phố Sài Gòn, nơi ông có thể gặp những nhà văn miền Nam còn ở Sài Gòn. Hồi đó, hẻm 361 Hai Bà Trưng (nơi có trụ sở Nhà xuất bản) còn vắng vẻ. Phía trước mặt trụ sở có gia đình nọ đã dựng tạm gian quán lợp giấy dầu bán cà-phê nước ngọt, kiểu một cái quán cóc. Chúng tôi thường “tụ tập” ở đó. Nhiều khi chúng tôi là những người khách duy nhất. Sáng nọ, trong gian quán quạnh quẽ, Tô Thùy Yên đã đọc cho chúng tôi nghe bài thơ *Quán vắng vẻ* của ông: Quán vắng vẻ/ không ai người đến gặp/ ngọn đèn như nổi đợi thiên thu...Giọng ông nhẹ nhàng, cách đọc chậm rãi khiến người nghe dễ dàng nhập vào tâm trạng của tác giả: *Việc đời làm lẫn vậy/ Hối mấy chẳng hơn gì/ Thời thì hãy cố nán/ Cho đáng một lần đi...* Nghe đâu, trong tù, ông còn hát vang lên một ca khúc của Trịnh Công Sơn, để báo với bạn tù sự có mặt của mình, để thiên hạ biết mình vẫn có thể hát. Hồi, ông cười, tôi hát cũng được lắm đó cô.

Ông nói với tôi, ông mong có dịp ra Hà Nội, nơi ông từng qua giữa đêm khuya trong chiếc xe chở tù bít bùng, chật chội. Ông một mình chạy xe đến hồ Trị An “*đi giữa trăng tranh/ràn rạt gió lùa/hư rỗng tuênh toang/ bốn phía rùng xa mịt mịt*”...

Những quán quýt bạn bè, những lo toan giúp đỡ, những tỏ bày, những chuyến đi... phần nào nói lên tâm trạng của Tô Thùy Yên lúc này. Ông vừa ra khỏi tù lần thứ 3 (sic) chưa bao lâu và đang chuẩn bị cho việc rời bỏ quê cha đất tổ. Cuối năm, trước khi cùng gia đình rời Việt Nam, ông đem cho tôi một số bài thơ chép tay: Một bài không có tựa đề và bản in bài *Ta về* (có lẽ trên 1 tạp chí ở hải ngoại) với các ghi chú: *Nhớ đừng phổ biến* hay: *Bà đọc qua cho biết thôi. Xin đừng phổ biến. Đa tạ.*
(Tô Thùy Yên là nhà thơ của thơ - Sài Gòn 3/2016 - Ý Nhi) (3)

(2) (3) Ý Nhi tên thật là Hoàng Thị Ý Nhi, sau 1975 từ Hà Nội vào Sài Gòn từng “giao lưu văn hóa” với Huỳnh Phan Anh, Uyên Thao, Nguyễn Đình Toàn, Thế Phong và ngay cả với Bùi Giáng nữa. Sau 1993 mới gặp Tô Thùy Yên (vì trước đó ông bị đi cải tạo) Và đồng thời cũng là bạn thân của nhà văn Nguyễn Thị Thụy Vũ (theo Đoàn Dự).

&&&

Lại có tác giả viết cô đọng: “Chúng tôi nhớ rằng lúc mà anh em từ Sài Gòn phát động phong trào xây dựng nhà cho gia đình các chiến sĩ đã hy sinh trong trận chiến Hoàng Sa năm 1974, nhà thơ Nguyễn Duy ở trong nước, tác giả của bài *Từ xa nhìn tổ quốc* bày tỏ muốn mời Tô Thùy Yên *từ hải ngoại trở về*, cùng với Nguyễn Duy làm một đêm thơ ở Sài Gòn, đọc *Trường sa hành* và *Ta về* (1985) thì có lẽ sẽ thích thú lắm.

Anh Tô Thùy Yên có nói rằng anh muốn lắm nhưng sức khỏe không cho phép, và anh đã chép nguyên văn bài *Ta về* để tặng cho chương trình Nhịp cầu Hoàng Sa. Bây giờ ngồi nhớ lại Tô Thùy Yên thì nhớ lại nụ cười rất hiền của một người miền Nam, nhớ lại điệu thuốc, và nhớ lại 2 câu thơ chốt:
“Còn chút rượu nồng xin tưới xuống, Giải oan cho cuộc biển dâu này”.

Nếu đọc thoáng qua, ông có ý định từ...*từ hải ngoại trở về* Sài Gòn năm 74. Nhưng đọc kỹ hơn, tác giả (Đình Quang Anh Thái) đang ở Mỹ “ngồi nhớ lại” và...“nhớ rằng”...
(Đình Quang Anh Thái)

Tô Thùy Yên về Sài Gòn?

Cũng như có tác giả (xem tr 12) chỉ vì vô tình đưa ra thủ bút viết chữ đẹp của ông như Vũ Hoàng Chương khiến người đọc ngỡ ông đã về Sài Gòn. (theo Lô Răng Phan Lạc Phúc, ông viết chữ Nho rất đẹp)



Bao giờ, cho đến bao giờ nữa
Em gánh vui về hạp chợ đông?

Sài Gòn 15.4.2014

Hai câu thơ “Bao giờ, cho đến bao giờ nữa - Em gánh vui về hạp chợ đông” trích trong bài *Mùa hạn*. Theo Đào Hiếu: “Mấy hôm nay có trận hạn hán dữ dội miền tây Nam bộ lại nhớ đến thi sĩ Tô Thùy Yên viết Mùa hạn năm 1979 ở Nghệ Tĩnh. Mùa hạn là bài thơ

thất ngôn trường thiên gồm 188 câu là một sử thi bao quát một giai đoạn hậu chiến tuy ngắn nhưng đau thương, tàn khốc và oan khiên nhất lịch sử dân tộc. (thời gian này ông ở tù với thi sĩ Hà Thượng Nhân. Ông viết *Đồng cốc huyện chung cư thất ca*, gồm bảy khúc ca viết theo lối cổ phong với tích trò *chuyện cùng con rắn lớn nơi đầm hoang*).

Tuy nhiên thủ bút của ông viết: *Sài Gòn 15.4.2014*.

Có thể ai đấy cho rằng ông làm thơ như triết nhân nên đăng trí chãng? Hay cũng có thể theo Nguyễn Hữu Hồng Minh: *Ông với thân phận lưu vong quay cuồng nhớ Sài Gòn!*.

Ngô Không Phí Ngọc Hùng
Houston 31-5-2019